

ỦY BAN DÂN TỘC

**BẢN
PHÊ DUYỆT**



TÀI LIỆU

CHUYÊN ĐỀ 1

**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ
VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, GIAI ĐOẠN I: TỪ
NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 VÀ CÁC CHÍNH SÁCH DÂN TỘC**

(Lưu hành nội bộ - Nhóm Cộng đồng)

Hà Nội 2024

LỜI NÓI ĐẦU

Trong giai đoạn 2021-2030, cùng với các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 là chính sách ưu tiên dành riêng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Nhằm giúp người học có cái nhìn tổng quan về các chủ chương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc, các chính sách về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, việc biên tập tài liệu “Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và các chính sách dân tộc” là cần thiết.

Tài liệu được biên tập trên cơ sở các báo cáo đánh giá tình hình thực hiện phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hệ thống các văn bản quản lý, hướng dẫn thực hiện chương trình. Tài liệu được viết cho đối tượng người học là cộng đồng, theo phương pháp tiếp cận cụ thể, ngắn gọn, các nội dung được khái quát, tổng hợp ngắn gọn, xúc tích giúp cộng đồng, người dân tiếp cận nhanh, dễ hiểu.

Kết cấu tài liệu gồm 3 phần:

I. Tổng quan chung về Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và các chính sách dân tộc

II. Hệ thống các văn bản quản lý, hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021-2025 của Trung ương và địa phương

III. Trao đổi, thảo luận

Tài liệu này mang tính chất tham khảo, trong quá trình biên soạn, biên tập chuyên đề, các chuyên gia, giảng viên ở các cấp cần nghiên cứu, cập nhật, bổ sung nội dung văn bản thay thế, chỉnh sửa, bổ sung ở từng thời điểm thực hiện, nội dung liên quan theo văn bản hướng dẫn của địa phương, kết hợp với hình ảnh minh họa, ví dụ thực tiễn,... để phù hợp với từng nhóm đối tượng tập huấn.

Trân trọng cảm ơn!

ỦY BAN DÂN TỘC

MỤC LỤC

I. TỔNG QUAN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2030; GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 VÀ CÁC CHÍNH SÁCH DÂN TỘC.....	1
1. Sự cần thiết ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.....	1
1.1. Thực trạng kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2020	1
1.2. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030 ..	5
1.3. Chính sách dân tộc giai đoạn 2021 - 2025	6
2. Khái quát Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	9
2.1. Mục tiêu của Chương trình	9
2.2. Phạm vi và đối tượng của Chương trình	12
2.3. Các dự án thành phần	12
2.4. Kinh phí thực hiện của Chương trình.....	23
II. HỆ THỐNG CÁC VĂN BẢN QUẢN LÝ, HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 CỦA TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG	24
1. Hệ thống văn bản	24
1.1. Hệ thống văn bản quản lý, hướng dẫn của Trung ương.....	24
1.2. Hệ thống văn bản quản lý, hướng dẫn của địa phương.....	28
2. Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.....	28

2.1. Công tác lập kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm cấp xã có sự tham gia của cộng đồng.....	28
2.2. Công tác thực hiện nội dung, hoạt động, dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.....	29
2.2.1. Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	29
2.2.2. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	35
2.2.3. Hỗ trợ phát triển sản xuất.....	36
2.2.4. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu.....	44
2.2.5. Hỗ trợ lĩnh vực giáo dục, đào tạo.....	51
2.2.6. Hỗ trợ lĩnh vực văn hoá.....	55
2.2.7. Hỗ trợ lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân	59
2.2.8. Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em.....	69
2.2.9. Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	72
2.3. Giám sát đầu tư của cộng đồng đối với Chương trình, các dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia.....	80
2.3.1. Giám sát của cộng đồng đối với Chương trình mục tiêu quốc gia.	81
2.3.2. Giám sát đầu tư cộng đồng.....	81
III. TRAO ĐỔI THẢO LUẬN VÀ GIẢI ĐÁP	84
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	85
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	90

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

DTTS	Dân tộc thiểu số
DTTS&MN	Dân tộc thiểu số và miền núi
MTQG	Mục tiêu quốc gia
ĐBKK	Đặc biệt khó khăn
KT-XH	Kinh tế-Xã hội
HĐND	Hội đồng nhân dân
UBND	Ủy ban nhân dân

I. TỔNG QUAN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2030; GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 VÀ CÁC CHÍNH SÁCH DÂN TỘC

1. Sự cần thiết ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

1.1. Thực trạng kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2020

Những năm qua, Đảng, Nhà nước đã tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức Đảng về công tác dân tộc, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong tình hình mới. Nhiều chương trình như Chương trình 135, Chương trình giảm nghèo bền vững, Chương trình nông thôn mới, các chương trình mục tiêu về y tế, văn hóa, xã hội; các chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; cho vay vốn ưu đãi phát triển sản xuất, đào tạo nghề, giải quyết việc làm... hỗ trợ máy móc thiết bị, phân bón, giống, cây trồng, vật nuôi; giao đất, giao rừng; khuyến nông, khuyến lâm được quan tâm triển khai thực hiện. Nhờ đó, Nhờ đó, kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi có nhiều chuyển biến tích cực.

Theo báo cáo Tổng kết Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn thực hiện trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Ủy ban Dân tộc cho thấy:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế vùng dân tộc thiểu số và miền núi khá cao, giai đoạn 2016-2018 đạt bình quân 7% và tăng dần hằng năm, cao hơn bình quân chung của cả nước.

Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh hằng năm. Bình quân toàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi giảm 4%/năm, riêng các xã đặc biệt khó khăn giảm trên 4%/năm trở lên; các huyện nghèo giảm 5-6%/năm trở lên.

Giai đoạn 2015-2019, đã có 8/64 huyện nghèo theo Nghị quyết 36a thoát nghèo; 14/30 huyện nghèo hưởng cơ chế theo Nghị quyết 36a thoát khỏi tình trạng khó khăn, 124/139 xã, 1.322/20.176 thôn ĐBKK ra khỏi diện đầu tư của Chương trình 135; có 1.052/5.266 xã đạt chuẩn Nông thôn mới, trong đó có 106/2.139 xã đặc biệt khó khăn đạt chuẩn nông thôn mới; có 27 huyện thuộc vùng đặc biệt khó khăn thuộc 31 tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Đến năm 2020, cả nước có 5.506 xã (62%) đạt chuẩn nông thôn mới.

Công tác phát triển giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực người dân tộc thiểu số luôn được chú trọng quan tâm. Hiện nay, toàn quốc có 316 trường Phổ thông Dân tộc nội trú ở 49 tỉnh, thành phố với trên 109.000 học sinh; các chính sách hỗ trợ đào tạo, dạy nghề cho người dân tộc thiểu số được tích cực triển khai thực hiện. Giai đoạn 2016-2020, có trên 800 nghìn người dân tộc thiểu số được đào tạo nghề nghiệp, trong đó có khoảng 412 nghìn lao động nông thôn là người dân tộc thiểu số được hỗ trợ đào tạo dưới 3 tháng theo chính sách của Đề án 1956/QĐ-TTg.

Các lĩnh vực văn hóa, xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã được các Bộ, ngành quan tâm, đạt được những thành tựu nhất định. Đời sống văn hóa ở cơ sở có bước cải thiện rõ rệt. Các thiết chế văn hóa được tăng cường, cơ sở vật chất, một số di sản văn hóa của vùng đồng bào các dân tộc được tôn vinh. Các hoạt động giao lưu văn hóa được tổ chức tầm quốc gia, liên vùng, đã góp phần bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa các dân tộc Việt Nam. Công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi và khu vực biên giới không ngừng củng cố và tăng cường.

** Khái quát thành tựu đạt được như sau:*

- Kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân từng bước được cải thiện, đảm bảo an sinh xã hội; niềm tin của đồng bào dân tộc thiểu số đối với Đảng và Nhà nước được nâng lên.

- Các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đều đã đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Cơ cấu kinh tế bước đầu có sự chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ. Kết cấu hạ tầng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi từng bước được hoàn thiện, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội từng vùng, từng khu vực.

- Công tác giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa đặc sắc của cộng đồng các dân tộc thiểu số nước ta được quan tâm; một số sản phẩm văn hóa vật thể, phi vật thể được khôi phục, lưu truyền; hàng năm tổ chức ngày hội văn hóa các dân tộc mang đậm dấu ấn của từng dân tộc, phong phú, đa dạng, thống nhất trong nền văn hóa dân tộc Việt Nam, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân.

Bên cạnh những thành tựu nêu trên, công tác dân tộc còn không ít khuyết điểm, hạn chế.

** Một số hạn chế, bất cập sau.*

- Hạ tầng kinh tế - xã hội thấp kém, kinh tế chủ yếu tự cung tự cấp, đời sống của Nhân dân còn nhiều khó khăn, là “Lõi nghèo của cả nước”, chất lượng nguồn nhân lực thấp, đội ngũ cán bộ còn nhiều bất cập, còn một số hạn chế về bình đẳng giới, tồn tại nhiều hủ tục lạc hậu và tệ nạn xã hội, tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất ổn định an ninh chính trị.

- Khoảng cách phát triển giữa các dân tộc thiểu số với dân tộc Kinh, giữa các nhóm dân tộc thiểu số, giữa miền núi và miền xuôi chưa được rút ngắn.

- Một số vấn đề bức thiết trong đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số như: Di cư tự phát, thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt... giải quyết chưa hiệu quả, đời sống của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số còn rất nhiều khó khăn.

- Chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa so với mặt bằng chung vẫn còn thấp, mức độ tiếp cận các dịch vụ còn nhiều khó khăn, giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số ngày càng bị mai một.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số trong cơ quan Nhà nước các cấp có xu hướng giảm.

- Tồn tại nhiều hủ tục lạc hậu, một số tệ nạn xã hội như nghiện hút, buôn bán và vận chuyển trái phép ma túy, buôn bán phụ nữ, trẻ em qua biên giới... là những yếu tố tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

** Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trên được xác định như sau*

Về khách quan:

- Xuất phát điểm của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thấp, địa hình chia cắt, khí hậu khắc nghiệt, chất lượng nguồn nhân lực thấp; rất khó khăn trong việc thu hút đầu tư; cơ sở hạ tầng thấp kém, thiếu việc làm, đói nghèo, thiên tai, bệnh tật, đang là thách thức lớn.

- Tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng, thiên tai, bão lũ ảnh hưởng rất lớn đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi sinh sống như: tình trạng sạt lở đất, xâm nhập mặn ở đồng bằng Sông Cửu Long; lũ ống, lũ quét ở các tỉnh Tây Bắc; hạn hán ở các tỉnh Tây Nguyên, Duyên hải miền Trung... làm cho đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số đã khó khăn lại càng khó khăn thêm.

- Nhu cầu về cơ sở hạ tầng lớn trong khi nguồn lực thực hiện chính sách còn chưa đáp ứng nhu cầu thực tế, dẫn đến việc một số chính sách được ban hành nhưng vốn phân bổ không đảm bảo để thực hiện.

- Các thế lực thù địch liên tục lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để tuyên truyền, xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là những khó khăn về kinh tế của đất nước, an ninh, chính trị vùng biên giới dẫn đến một số địa bàn vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất ổn về an ninh, trật tự.

*** Về chủ quan**

- Hệ thống chính sách phát triển kinh tế - xã hội dành cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa thực sự đồng bộ; cơ chế thực thi chính sách còn thiếu những đổi mới mang tính đột phá. Mặt khác, sự phối hợp giữa các ngành, các cấp còn chưa chặt chẽ, hiệu quả, nhận thức của một số cán bộ, công chức, viên chức còn phiến diện, chưa thật lòng quan tâm đến vùng dân tộc thiểu số và miền núi; sự phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương chưa thường xuyên, chặt chẽ.

- Đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống ở địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; ở những địa phương nghèo, chủ yếu nhận hỗ trợ ngân sách từ Trung ương, khó có thể lồng ghép các chương trình, dự án để thực hiện chính sách dân tộc, trong khi đó ngân sách Trung ương chưa bố trí được nguồn vốn riêng để thực hiện một số chính sách, do vậy không đạt được mục tiêu các đề án, chính sách đã được phê duyệt.

- Phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển còn bất cập, định mức đầu tư còn thấp, chưa có dòng ngân sách riêng để thực hiện chính sách dân tộc, do vậy đề án, chính sách nhiều nhưng thiếu nguồn lực thực hiện, chưa đạt được mục tiêu đề ra.

- Bộ máy theo dõi công tác dân tộc thiểu số ổn định, thống nhất từ Trung ương đến địa phương; thiếu một hệ thống cơ sở dữ liệu đầy đủ và mang tính liên tục, kịp thời để phục vụ mục tiêu theo dõi, quản lý và tham mưu chính sách. Mặt khác, vẫn còn nhiều đầu mối xây dựng, quản lý chính sách dân tộc, trách nhiệm chưa thật rõ ràng; năng lực của đội ngũ cán bộ theo dõi công tác dân tộc còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm thực tiễn.

- Một số chính sách ban hành chưa tính đến việc tạo động lực cho người dân chủ động vươn lên thoát nghèo; thiếu những cơ chế, chính sách khuyến khích làm giàu dành cho đối tượng là những người biết làm ăn, kinh doanh và có khả năng tạo ra thu nhập, việc làm cho cộng đồng. Bên cạnh đó, hệ thống chính sách phát triển kinh tế - xã hội dành cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn vừa qua cũng chưa quan tâm nhiều đến sự công bằng, bình đẳng đối với mọi đối tượng trên cùng một địa bàn, do đó quá trình thực hiện chính sách ít khuyến khích được nội lực, ý thức tự lực tự cường của người dân tộc thiểu số.

- Sự phối hợp giữa các Bộ, Ngành trong xây dựng và phân bổ nguồn lực, kiểm tra đánh giá của một số chính sách chưa chặt chẽ; thiếu hệ thống chỉ tiêu thống kê nguồn lực đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Văn bản hướng dẫn của một số Bộ, Ngành về địa bàn thực hiện chính sách có điểm chưa thống nhất, chưa phù hợp với tình hình thực tế. Đội ngũ cán bộ cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và cán bộ trong hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc nhiều nơi chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

1.2. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030

Đảng và Nhà nước luôn quan tâm công tác dân tộc, điều đó được ghi trong Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Qua các thời kỳ khác nhau, với những nhiệm vụ cách mạng khác nhau nhưng quan điểm của Đảng ta về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc, chính sách dân tộc luôn nhất quán quan điểm: Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc luôn luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng. Thực hiện tốt chính sách dân tộc bình đẳng, đoàn kết, giúp nhau cùng phát triển. Đảng và Nhà nước ta luôn nhất quán chủ trương đẩy nhanh phát triển về mọi mặt đối với vùng dân tộc thiểu số và miền núi, nhanh chóng thu hẹp khoảng cách phát triển so với mặt bằng chung của cả nước.

Giai đoạn 2021-2030, Đảng và Nhà nước tiếp tục quan tâm công tác dân tộc, các văn bản chỉ đạo như Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới; Các Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, XI, XII, XIII luôn xác định công tác dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, cấp bách, là nhiệm vụ của Đảng, toàn dân, toàn quân và của cả hệ thống chính trị. Chính phủ ban hành Quyết định số 1657/QĐ-TTg, ngày 30/12/2022, Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Quan điểm:

- Kiên trì và nhất quán thực hiện các quan điểm của Đảng về công tác dân tộc: Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng giúp nhau cùng phát triển; phát huy tối đa sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, ý chí tự lực, tự cường, lòng tự hào dân tộc trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới mục tiêu vì một Việt Nam thịnh vượng.

- Giải quyết hài hòa quan hệ, lợi ích giữa các dân tộc, đảm bảo ổn định, phát triển bền vững và hội nhập quốc tế sâu rộng; xác định công tác dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, cấp bách, là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của hệ thống chính trị.

- Xem đầu tư phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ quan trọng để phát triển bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; góp phần thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của đồng bào dân tộc thiểu số so với bình quân chung của cả nước và phải gắn liền với nhiệm vụ xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, xây dựng tuyến biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

- Phát huy vai trò, chức năng của cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương trong thực hiện các chính sách dân tộc.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, đa dạng hóa và thu hút, huy động mọi nguồn lực để triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách liên quan đến công tác dân tộc, trong đó nguồn lực nhà nước là quan trọng và có ý nghĩa quyết định; ưu tiên đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tập trung cho các nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù, các địa bàn khó khăn nhất của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

1.3. Chính sách dân tộc giai đoạn 2021 - 2025

Giai đoạn 2021-2025, tiếp tục thực hiện 2 Chương trình mục tiêu quốc gia là Chương trình xây dựng nông thôn mới và Chương trình giảm nghèo bền vững, đồng thời Quốc hội Khoá XIV đã ban hành Nghị quyết số 88 phê duyệt Đề án tổng thể; Quốc hội khoá XV ban hành Nghị quyết số 120 phê duyệt chủ trương đầu tư, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ 2021 - 2025. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là quyết sách lớn của Đảng, Nhà nước, được xây dựng trên cơ sở rà soát, sửa đổi, bổ sung, tích hợp nhiều nội dung chương trình, dự án, chính sách; là sự kiện nổi bật, trọng đại, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong công tác dân tộc, lần đầu tiên nước ta có một chương trình mục tiêu quốc gia dành riêng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Để các Bộ, ngành Trung ương và các địa phương có căn cứ pháp lý xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đảm bảo minh bạch, trọng tâm, trọng điểm và

hiệu quả. Chính phủ ban hành tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025 thành 3 khu vực:

- Xã khu vực I: Là xã bước đầu phát triển.
- Xã khu vực II: Là xã còn khó khăn.
- Xã khu vực III: Là xã đặc biệt khó khăn

Để có cơ sở xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù, làm cơ sở thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 có trọng tâm, trọng điểm, giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số khó khăn nhất Chính phủ ban hành Quyết định về Tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021 - 2025.

Danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025 (Theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt) như sau:

- **Dân tộc còn gặp nhiều khó khăn bao gồm (32 DT):** La Hủ, Phù Lá, La Chí, Kháng, Hà Nhì, Xinh-mun, Co, Ta-ôi, Cơ-tu, Kơ-mú, Bru-Vân Kiều, Mông, Ra-glai, Xơ-đăng, Hmông, Xtiêng, Gia-rai, Dao, Nùng, Tày, Sán Chay, Lào, Giáy, Giẻ-Triêng, Mường, Ba-na, Hrê, Chăm, Ê-đê, Cơ-ho, Kơ-me, Mạ.

- **Dân tộc có khó khăn đặc thù gồm (14 DT):** Ô-đu, Brâu, Rơ-măm, Pu Péo, Si La, Cống, Bô Y, Cơ Lao, Mảng, Lô Lô, Chứt, Lự, Pà Thẻn, La Ha.

Hiện nay có gần 200 chính sách thực hiện tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi đang còn hiệu lực do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành, trong đó có trên 100 chính sách dân tộc (là các chương trình, chính sách dành riêng cho đồng bào dân tộc thiểu số, vùng dân tộc thiểu số và miền núi hoặc các chương trình, chính sách áp dụng chung cho cả nước nhưng có nội dung ưu tiên hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, vùng dân tộc thiểu số và miền núi).

Các chính sách và chương trình của Chính phủ bao trùm các chủ đề:

Sinh kế và giảm nghèo: Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, bảo vệ rừng, tín dụng, việc làm....

Phát triển nguồn nhân lực: Hỗ giáo dục, phát triển y tế, cải thiện dinh dưỡng, thúc đẩy bình đẳng giới, khuyến khích lãnh đạo là người dân tộc trong cộng đồng và tại chính quyền các cấp...

Phát triển văn hóa: xây dựng nhà văn hóa thôn, thương mại hóa sản phẩm truyền thống, giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống đồng bào dân tộc gắn với phát triển du lịch...

Phát triển cơ sở hạ tầng: xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu bao gồm trường học, trạm y tế, đường xá, cầu cống, lưới điện, công trình thủy lợi, chợ bán buôn và bán lẻ, hệ thống thông tin liên lạc.

Ứng dụng khoa học và công nghệ: ứng dụng công nghệ khoa học, đặc biệt là công nghệ thông tin, truyền thông, nâng cao năng lực (học trực tuyến, thư viện điện tử, v.v.)

Nếu phân loại theo lĩnh vực kinh tế - xã hội gồm 9 nhóm chính sách:

- Chính sách phát triển kinh tế bền vững
- Chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề, giải quyết việc làm
- Chính sách y tế, dân số, chăm sóc sức khoẻ Nhân dân
- Chính sách văn hoá, thể thao, du lịch
- Chính sách thông tin, truyền thông, phổ biến pháp luật, trợ giúp pháp lý
- Chính sách về bình đẳng giới, trẻ em
- Chính sách đối với tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người có uy tín
- Chính sách hợp tác quốc tế về công tác dân tộc
- Chính sách quốc phòng, an ninh

Quá trình triển khai chính sách thời gian vừa qua, nhiều chương trình, chính sách dân tộc đã được đầu tư, hỗ trợ trên vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Việc triển khai thực hiện các chương trình chính sách dân tộc luôn được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp cấp, các ngành; công tác phối hợp tuyên truyền, giám sát, phản biện của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội được nâng cao; nhân dân các địa phương sự nhiệt tình, ủng hộ...và đã đạt được kết quả nhất định.

Như vậy, công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và của cả hệ thống chính trị. Huy động mọi nguồn lực đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, đảm bảo phát triển bền vững gắn liền với an sinh xã hội, để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc

thiểu số. Thu hẹp dần khoảng cách về mức sống so với vùng phát triển, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; đẩy lùi các tệ nạn xã hội, nâng cao mặt bằng dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, nhất là cán bộ dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

2. Khái quát Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

2.1. Mục tiêu của Chương trình

a) Mục tiêu tổng quát của Chương trình:

Khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập bình quân của vùng so với bình quân chung của cả nước; giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn; quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống của Nhân dân; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an ninh biên giới quốc gia; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

Thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi so với bình quân chung của cả nước; đến năm 2025 giảm 50% số xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; đến năm 2030 cơ bản không còn xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

b) Mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của Chương trình đến năm 2025

*** Mục tiêu cụ thể.**

- Phấn đấu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 2 lần so với năm 2020;

- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 3%; phấn đấu 50% số xã, thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn.

- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 70% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa. 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 99% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 90% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh; cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn (khu vực III) và thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư; sắp xếp, bố trí ổn định 90% số hộ di cư không theo quy hoạch. Quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí 60% số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú tại các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở. Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào;

- Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 98%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 97%, học trung học cơ sở trên 95%, học trung học phổ thông trên 60%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 90%.

- Tăng cường công tác y tế để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại; tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; 98% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế. Trên 80% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 15%.

- 50% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số và đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 80% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc thiểu số tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương.

*** Một số chỉ tiêu chủ yếu**

- Nhựa hóa, bê tông hóa hoặc cứng hóa tối thiểu 3.250 km đường nông thôn phục vụ sản xuất, đời sống của Nhân dân; giải quyết nước sinh hoạt cho hơn 268.860 hộ; xây dựng hơn 800 công trình nước sinh hoạt tập trung. Xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học cho hơn 320 trường Phổ thông Dân tộc nội trú, hơn 1.100 trường Phổ thông Dân tộc bán trú; 07 cơ sở dự bị đại học và đại học, 03 trường Trung học Phổ thông Dân tộc nội trú khu vực.

- Giải quyết nhu cầu cấp thiết của hộ dân tộc thiểu số, trong đó:
 - + Giải quyết đất ở cho hơn 17.400 hộ.
 - + Giải quyết nhà ở cho hơn 18.300 hộ.
 - + Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất cho hơn 47.200 hộ.
 - + Giải quyết sinh kế cho hơn 271.800 hộ.
 - + Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 236.700 hộ.
 - + Hỗ trợ xây dựng hơn 800 công trình nước sinh hoạt tập trung với hơn 32.200 hộ thụ hưởng.

- Sắp xếp, ổn định dân cư cho hơn 81.500 hộ, bao gồm:
 - + Bố trí, sắp xếp ổn định dân di cư tự do cho hơn 17.400 hộ.
 - + Bố trí định canh, định cư cho hơn 9.300 hộ dân tộc thiểu số.
 - + Bố trí sắp xếp ổn định dân cư vùng biên giới cho hơn 8.400 hộ.
 - + Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn và khu vực cần thiết khác cho hơn 46.400 hộ.

- Thực hiện chương trình “Cán bộ, chiến sĩ Quân đội nâng bước em tới trường” cho hơn 5.000 em học sinh dân tộc thiểu số khó khăn/năm.

- Tối thiểu 80% phụ nữ có thai được phổ biến kiến thức, khám thai định kỳ, hỗ trợ y tế, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; hỗ trợ tăng cường dinh dưỡng cho 100% trẻ em suy dinh dưỡng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đào tạo nghề cho khoảng 2,25 triệu người; tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho khoảng 4 triệu hộ đồng bào dân tộc thiểu số và hộ dân tộc Kinh nghèo, cận nghèo ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- Tổ chức khoảng 320 lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể; hỗ trợ 200 dự án sưu tầm, phục dựng, bảo tồn, phát huy văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một; bảo tồn 120 lễ hội, 80 làng bản, buôn truyền thống phục vụ phát triển du lịch; xây dựng 240 mô hình văn hoá truyền thống của các dân tộc thiểu số, 800 câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ đầu tư xây dựng 3.590 thiết chế văn hoá, thể thao thôn; hỗ trợ đầu tư xây dựng 80 điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin cho khoảng 30.000 cán bộ trong hệ thống chính trị ở cơ sở; hỗ trợ, tạo điều kiện cho hơn 60.000 người có uy tín trong cộng đồng làm hạt nhân chính trị, nòng cốt ở cơ sở; bồi dưỡng kiến thức về chính sách dân tộc, công tác dân tộc cho hơn 224.900 cán bộ, công chức, viên chức.

2.2. Phạm vi và đối tượng của Chương trình

a) Phạm vi:

Trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó, ưu tiên nguồn lực của Chương trình đầu tư cho các địa bàn đặc biệt khó khăn (xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn), xã An toàn khu (ATK) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Đối tượng của Chương trình:

- Xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số.
- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.
- Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã (HTX), các tổ chức kinh tế hoạt động ở địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

2.3. Các dự án thành phần

Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

Nội dung số 01: Hỗ trợ đất ở: Căn cứ quỹ đất, hạn mức đất ở và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao đất để làm nhà ở cho các đối tượng nêu trên phù hợp với điều kiện, tập quán ở địa phương và pháp luật về đất đai.

Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở: Hỗ trợ xây dựng 01 căn nhà theo phong tục tập quán của địa phương, định mức tính theo xây dựng 01 căn nhà cấp 4 đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng).

Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề: Hộ dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có hoặc thiếu từ 50% đất sản xuất trở lên theo định mức của địa phương thì được hưởng một trong hai chính sách sau:

Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất: Hộ không có đất sản xuất nếu có nhu cầu thì được chính quyền địa phương trực tiếp giao đất sản xuất.

Hỗ trợ chuyển đổi nghề: Trường hợp chính quyền địa phương không bố trí được đất sản xuất thì hộ không có đất hoặc thiếu đất sản xuất được hỗ trợ chuyển đổi nghề.

Nội dung số 04: Hỗ trợ nước sinh hoạt:

Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Ưu tiên hỗ trợ để mua sắm trang bị hoặc xây dựng bể chứa nước phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình.

Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: Đầu tư xây dựng công trình nước tập trung theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ưu tiên cho người dân vùng thường xuyên xảy ra hạn hán, xâm nhập mặn, vùng đặc biệt khó khăn, vùng cao chưa có nguồn nước hoặc thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

Hộ gia đình thuộc diện đối tượng theo quy định của Dự án này có nhu cầu vay vốn được vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội để có đất ở, xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở, tạo quỹ đất sản xuất, học nghề và chuyển đổi nghề.

Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

Hỗ trợ khảo sát vị trí, địa điểm phục vụ công tác quy hoạch, lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư.

Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình.

Hỗ trợ địa bàn bố trí dân xen ghép.

Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng Nhà nước giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được Nhà nước giao cho các tổ chức kinh tế theo quy định hiện hành; diện tích rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý.

Hỗ trợ bảo vệ rừng đối với rừng quy hoạch là rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình;

Hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung;

Đối với diện tích đất được quy hoạch phát triển rừng sản xuất đã giao ổn định, lâu dài cho hộ gia đình được hỗ trợ một lần cho chu kỳ đầu tiên để trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ.

Hỗ trợ trồng rừng phòng hộ đối với diện tích đất được quy hoạch trồng rừng phòng hộ đã giao cho hộ gia đình theo quy định hiện hành. Hộ gia đình được hưởng lợi từ rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và các quy định có liên quan.

Trợ cấp gạo cho hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung, trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng phòng hộ.

Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.

Ưu tiên tập trung xây dựng vùng nguyên liệu ổn định, hỗ trợ áp dụng kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ, nâng cao năng lực sơ chế, chế biến và phát triển thị trường, trong đó.

* Với các địa phương có thế mạnh trong phát triển nguồn nguyên liệu, có điều kiện phát triển sản xuất, căn cứ vào tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện lựa chọn để hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị do các tổ chức kinh tế và người dân trong vùng cùng tham gia thực hiện, tập trung hỗ trợ một số nội dung chủ yếu sau.

Tư vấn xây dựng liên kết, chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường.

Hỗ trợ nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật.

Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, quản trị chuỗi giá trị, năng lực tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ.

Hướng dẫn áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ; xây dựng, đăng ký thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm; các hoạt động quảng bá sản phẩm, mở rộng các kênh phân phối.

* Đối với những địa phương đã bước đầu hình thành sản xuất theo chuỗi giá trị, tập trung hỗ trợ để củng cố, mở rộng, nâng cấp liên kết chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm đã có.

* Với các địa phương không có điều kiện thực hiện phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, căn cứ vào tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, trong đó tập trung hỗ trợ một số nội dung chủ yếu sau.

Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: Tập huấn, chuyên gia kỹ thuật; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y; hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, cải tạo ao nuôi thủy sản và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất.

Hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ: Hỗ trợ thiết kế nhà xưởng; hướng dẫn vận hành máy móc thiết bị; thiết bị, vật tư sản xuất; dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm.

Hỗ trợ các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

Các đối tượng của Tiểu dự án được vay vốn tín dụng chính sách và vốn tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định hiện hành.

Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý.

Địa phương nơi triển khai dự án căn cứ điều kiện thực tế hỗ trợ, bố trí, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuê đủ môi trường rừng để triển khai dự án.

Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng (đường giao thông kết nối đạt chuẩn cấp V miền núi, hệ thống điện, cấp thoát nước) để phục vụ dự án phát triển vùng nguyên liệu. Ưu tiên hỗ trợ các dự án nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân sinh sống trên địa bàn thực hiện dự án để hình thành vùng nguyên liệu.

Hỗ trợ kinh phí cải tạo cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng, cơ sở bảo quản dược liệu quý và mua sắm trang thiết bị trong hàng rào dự án. Ưu tiên hỗ trợ các khu, vùng nuôi trồng dược liệu ứng dụng công nghệ cao.

Hỗ trợ doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề cho lao động tại chỗ.

Hỗ trợ chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh.

Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng.

Hỗ trợ chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm, tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm;

Đối với các dự án trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ 01 lần tối đa 80% chi phí sản xuất giống gốc và 50% chi phí sản xuất giống thương phẩm.

Hỗ trợ vay vốn tín dụng chính sách theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 50% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số.

Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng hệ thống kết nối chuỗi giá trị dược liệu và sản phẩm y dược cổ truyền được truy xuất nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng; xúc tiến thương mại cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Hỗ trợ xây dựng các mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Hỗ trợ xây dựng, vận hành các dự án “Trung tâm hỗ trợ khởi sự kinh doanh,

khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” tại các trường đại học và Văn phòng điều phối Chương trình thuộc Ủy ban Dân tộc.

Hỗ trợ xây dựng và vận hành thí điểm các dự án “Trung tâm kết nối giao thương thương mại, du lịch và quảng bá sản vật vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” tại Ủy ban Dân tộc và các tỉnh, thành phố: Quảng Ninh, Lào Cai, Lâm Đồng, Cần Thơ.

Định kỳ hàng năm tổ chức biểu dương thanh niên, sinh viên, người có uy tín tiêu biểu và tấm gương khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tổ chức các hoạt động thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tổ chức các hội chợ, triển khai thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tiểu dự án 3: Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Hỗ trợ các dự án, mô hình chăn nuôi: Hỗ trợ phát triển chăn nuôi; chế biến thức ăn chăn nuôi tại chỗ; tập huấn, tư vấn kỹ thuật gắn với nhiệm vụ xây dựng thể trận quốc phòng an ninh và các hoạt động khác có liên quan.

Hỗ trợ các dự án, mô hình trồng trọt (phát triển cây trồng phù hợp với thổ nhưỡng của từng vùng, miền): Hỗ trợ phát triển trồng trọt; tập huấn, tư vấn kỹ thuật gắn với nhiệm vụ xây dựng thể trận quốc phòng an ninh và các hoạt động khác có liên quan.

Cán bộ, chiến sỹ quân đội nâng bước em tới trường: Hỗ trợ các em trong độ tuổi đi học (từ lớp 1 đến lớp 12) là dân tộc thiểu số đang sinh sống ở khu vực biên giới, có hoàn cảnh khó khăn; là con của người có uy tín, người tích cực tham gia bảo vệ biên giới trong đồng bào các dân tộc thiểu số và các em là người dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù sinh sống ở khu vực biên giới được các đơn vị Quân đội nhận nuôi và hỗ trợ, giúp đỡ.

Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc

Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.

Đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình giao thông nông thôn phục vụ sản

xuất, kinh doanh và dân sinh; công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thôn, bản; trạm chuyển tiếp phát thanh xã, nhà sinh hoạt cộng đồng; trường, lớp học đạt chuẩn; các công trình thủy lợi nhỏ; các công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán để phục vụ nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật; ưu tiên công trình có nhiều hộ nghèo, phụ nữ hưởng lợi.

Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế xã bảo đảm đạt chuẩn.

Đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã chưa được cứng hóa; ưu tiên đầu tư đối với các xã chưa có đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã, đường liên xã (từ trung tâm xã đến trung tâm xã).

Đầu tư cơ sở hạ tầng trọng điểm kết nối các xã đặc biệt khó khăn trên cùng địa bàn (hệ thống hạ tầng phục vụ giáo dục, y tế; hệ thống cầu, đường giao thông; hạ tầng lưới điện...); xây dựng cầu dân sinh để phục vụ sinh hoạt, tăng cường kết nối, tạo trực động lực phát triển đồng bộ trên cơ sở thúc đẩy liên kết giữa các xã đặc biệt khó khăn nhằm phát huy sức mạnh tiểu vùng giúp phát triển bền vững và góp phần xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Đầu tư, hỗ trợ kinh phí xây dựng thí điểm 04 nhà hỏa táng điện cho đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận (mỗi tỉnh 02 công trình);

Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn đặc biệt khó khăn và công trình cơ sở hạ tầng các xã, thôn đã đầu tư từ giai đoạn trước.

Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tiểu dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc

Đầu tư xây dựng các công trình phục vụ học tập, sinh hoạt cho giáo viên và học sinh (Nhà ký túc xá, Nhà hiệu bộ, Trạm y tế học sinh dân tộc nội trú, Nhà thí nghiệm thực hành, Nhà thư viện tổng hợp, Nhà đa chức năng, Giảng đường, Nhà công vụ cán bộ giáo viên nội trú, sân vận động, bể bơi, công trình thể thao, Phòng công vụ giáo viên, Nhà ăn, nhà bếp, Phòng quản lý học sinh nội trú, Công trình vệ sinh, Nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa dân tộc; cải tạo, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng).

Mua sắm trang thiết bị hỗ trợ hoạt động giảng dạy, học tập (Thiết bị, dụng cụ phục vụ chuyển đổi số và áp dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập, các thiết bị thực hành, thí nghiệm; hệ thống máy tính, máy chiếu; thiết bị phục vụ giảng dạy tin học, ngoại ngữ, y, dược; dụng cụ giáo dục thể chất và các trang thiết bị khác phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập).

Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, có học sinh bán trú.

Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Nội dung số 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc:

Bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 2, 3 và 4; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Nội dung số 02: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học:

Đối với bồi dưỡng hệ dự bị đại học: Hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục chuyên biệt và trường đại học tổ chức bồi dưỡng hệ dự bị đại học cho học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đảm bảo quy mô tối thiểu 200 sinh viên/1 vạn dân (người dân tộc thiểu số) thuộc nhóm dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù, nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn và các dân tộc thiểu số có chất lượng nguồn nhân lực thấp theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030.

Đối với đào tạo đại học: Hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục đại học tổ chức đào tạo trình độ đại học các chuyên ngành đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với quy mô đào tạo đạt tối thiểu 200 sinh viên/1 vạn dân (người dân tộc thiểu số) thuộc nhóm dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù, nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn và các dân tộc thiểu số có chất lượng nguồn nhân lực thấp theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030.

Đối với đào tạo sau đại học: Hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục đại học tổ chức đào tạo trình độ sau đại học các chuyên ngành đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, đạt tỉ lệ khoảng 0,7% cán bộ có trình độ sau đại học

thuộc nhóm dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù, nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, dân tộc rất ít người và dân tộc thiểu số có chất lượng nguồn nhân lực thấp theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030.

Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Xây dựng các mô hình đào tạo nghề, giao nhiệm vụ/đặt hàng) đấu thầu đào tạo nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả việc làm sau đào tạo.

Hỗ trợ đào tạo nghề.

Hỗ trợ người lao động thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng;

Chuẩn hóa kỹ năng lao động và kết nối hiệu quả đào tạo và giải quyết việc làm. Cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số.

Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Phát triển, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy nghề; phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy; xây dựng các bộ tiêu chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp; số hóa các chương trình, giáo trình, học liệu; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý dạy và học; hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo.

Tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài; kiểm tra, giám sát đánh giá; xây dựng bộ chỉ số (KPI) để làm cơ sở giám sát và đánh giá việc triển khai các nội dung theo mục tiêu của dự án và xây dựng phương pháp, cơ chế giám sát, đánh giá và đề xuất điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án.

Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc; ưu tiên các nội dung giới thiệu về cách tiếp cận, phương pháp và các mô hình giảm nghèo thành công.

Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước cho các đối tượng trực tiếp thực hiện Chương trình; tổ chức hội thảo, hội nghị chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương.

Thực hiện nâng cao năng lực chuyên sâu phù hợp với điều kiện, đặc điểm của các nhóm địa bàn: Ưu tiên các xã còn yếu về năng lực làm chủ đầu tư, về thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù; ưu tiên những thôn sẽ trực tiếp thực hiện những dự án, công trình cụ thể; tập trung vào các nội dung còn thiếu, còn yếu của cán bộ cơ sở, đại diện cộng đồng.

Hỗ trợ chuyển đổi số và nâng cao khả năng học tập, chia sẻ kinh nghiệm trực tuyến cho cán bộ triển khai thực hiện Chương trình ở các cấp; thực hiện các hoạt động để nâng cao nhận thức và năng lực của các bên liên quan (ngoài các cơ quan tổ chức chủ trì và tham gia thực hiện Chương trình) để có sự phối hợp hiệu quả, huy động nguồn lực tổng hợp cho Chương trình.

Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số rất ít người.

Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số.

Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống tại các địa phương khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch.

Xây dựng chính sách và hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận.

Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể.

Hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một (các hình thức sinh hoạt văn hóa, tập quán xã hội, nhạc cụ, kiến trúc truyền thống, trang phục truyền thống, các môn thể thao truyền thống, tiếng nói, chữ viết và các giá trị khác văn hóa khác).

Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số (mô hình trải nghiệm, tìm hiểu văn hóa đặc thù các dân tộc thiểu số, mô hình bảo vệ văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số, mô hình xây dựng đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số; mô hình di sản kết nối gắn với các hành trình du lịch di sản để phát triển cộng đồng các dân tộc thiểu số có di sản tương đồng).

Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng di dân tái định cư.

Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống.

Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu.

Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số để cấp phát cho cộng đồng các dân tộc thiểu số.

Tổ chức ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các dân tộc thiểu số và miền núi.

Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số.

Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số.

Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số và miền núi, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch.

Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.
Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số.

Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em.

Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng

cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em.

Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng.

Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù

Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng tại các thôn tập trung đồng bào dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù, có tỉ lệ hộ nghèo cao; ưu tiên đầu tư các thôn đặc biệt khó khăn.

Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế:

Hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, thông tin - truyền thông nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào.

Hỗ trợ bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù:

Đầu tư phát triển bền vững người Đan Lai tại Vườn Quốc gia Pù Mát, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Nội dung hỗ trợ:

Công tác truyền thông

Tăng cường các hoạt động tư vấn, can thiệp lồng ghép với các chương trình, dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng, phát triển thể chất có liên quan trong lĩnh vực hôn nhân nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

Duy trì và triển khai mô hình tại các xã/huyện/trường có tỉ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao; nhân rộng các mô hình phù hợp nhằm thay đổi hành vi, khả năng tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia của cộng đồng thực hiện ngăn ngừa, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

Bồi dưỡng, nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác dân tộc tham gia thực hiện Dự án.

Kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Mô hình, Dự án và thực hiện các chính sách.

Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

- *Nội dung số 01:* Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín.

- *Nội dung số 02:* Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số.

Nội dung số 3: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.

2.4. Kinh phí thực hiện của Chương trình

Tổng mức vốn dự kiến: 137.664,959 tỉ đồng. Nguồn vốn thực hiện chương trình được huy động từ:

- Vốn ngân sách Nhà nước.
- Lòng ghép nguồn vốn trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Nguồn vốn tín dụng.
- Nguồn vốn hợp pháp khác.

Huy động, thu hút nguồn vốn từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân vào thực hiện các dự án hỗ trợ sản xuất và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Huy động nguồn đóng góp tự nguyện của người dân (bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động), doanh nghiệp, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo sự tham gia đóng góp phải trên tinh thần tự nguyện, công khai, minh bạch, rõ trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật, cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý, sử dụng.

II. HỆ THỐNG CÁC VĂN BẢN QUẢN LÝ, HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 CỦA TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

1. Hệ thống văn bản

1.1. Hệ thống văn bản quản lý, hướng dẫn của Trung ương

- Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 2/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn.

- Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg (sau đây viết tắt là Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg).

- Quyết định số 277/2022/QĐ-TTg ngày 25/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Khung hành động đổi mới cơ chế, chính sách hỗ trợ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

- Quyết định số 1127/2022/QĐ-TTg ngày 26/09/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương, Trường Dự bị Đại học Dân tộc Sầm Sơn, Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương Nha Trang, Trường Dự bị Đại học Thành phố Hồ Chí Minh và Trường Phổ thông vùng cao Việt Bắc từ Bộ Giáo dục và Đào tạo về trực thuộc Ủy ban Dân tộc.

- Quyết định số 04/QĐ-TTg, ngày 23/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ Quyết định về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về việc quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

- Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

- Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

- Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc về việc quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030; Giai đoạn I: từ năm 2021 – 2025.

- Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025.

- Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 của Ủy ban Dân tộc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025.

- Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT, ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp

thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

- Quyết định số 2415/QĐ-BYT ngày 05/9/2022 của Bộ Y tế về ban hành hướng dẫn thực hiện Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Thông tư số 12/2023/TT-BYT ngày 06/6/2023 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ Y tế.

- Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025.

- Thông tư số 03/2023/TT-BLĐTB&XH ngày 31/5/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTB&XH ngày 06/09/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Văn bản số 1684/HD-BVHTTDL ngày 28/4/2023 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn về Thực hiện Dự án “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 (thay thế Hướng dẫn số 677/HD-BVHTTDL ngày 03 tháng 3 năm 2022)

- Văn bản số 3033/HD-BĐBP ngày 25/7/2022 hướng dẫn thực hiện Dự án “Cán bộ, chiến sĩ Quân đội nâng bước em tới trường” giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 (nội dung thuộc Tiểu dự án 3, Dự án 3).

- Văn bản 2251/KTC-KTSN ngày 7/9/2022 của Ban chỉ đạo Bộ Quốc phòng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 hướng dẫn thực hiện dự án, mô hình hỗ trợ phát triển chăn nuôi, trồng trọt trong các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

- Công văn số 1420/BTP-TGPL ngày 05/5/2022 của Bộ Tư pháp về việc thực hiện nội dung về trợ giúp pháp lý theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu

quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (nội dung số 3 thuộc Tiểu dự án 1 của Dự án 10).

- Công văn số 2184/BGDĐT-GĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 5 thuộc Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

- Công văn số 1339/BGDĐT-GDDT ngày 30/03/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 5 thuộc Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Công văn số 4912/HD-NHCS ngày 30/6/2022 của Ngân hàng chính sách về việc hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ.

- Văn bản 7359/HD-NHCS ngày 22/09/2022 của Ngân hàng chính sách về việc hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ.

- Công văn số 4292/BCT-TTTN ngày 25/7/2022 của Bộ Công thương về việc hướng dẫn triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

- Công văn số 523/LMHTXVN-KHHT ngày 27/07/2022, Hướng dẫn của Liên minh HTX Việt Nam về triển khai nhiệm vụ hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Công văn số 4438/BTTTT-KHTC ngày 27/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: 2021-2025.

- Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30/5/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung về thông tin và truyền thông trong Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

- Hướng dẫn số 04/HD-ĐCT ngày 28/7/2022 của Đoàn Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về việc hướng dẫn triển khai Dự án 8 “thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030”, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Các văn bản khác liên quan của Trung ương.

1.2. Hệ thống văn bản quản lý, hướng dẫn của địa phương

(Khi triển khai tập huấn, bồi dưỡng ở địa phương nào, tài liệu sẽ được cập nhật bổ sung hệ thống văn bản của địa phương đó)

Lưu ý: Các văn bản hướng dẫn trên đang còn hiệu lực trong thời gian thực hiện vào thời điểm biên soạn tài liệu, trong quá trình thực hiện các văn bản đó có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) thì theo hướng dẫn của các văn bản đó.

2. Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

(Triển khai thực hiện nội dung Chương trình tại địa phương - thôn/xã)

2.1. Công tác lập kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm cấp xã có sự tham gia của cộng đồng

* **Thời điểm lập:** Việc lập kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm thực hiện cùng thời điểm lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm cấp xã.

*** Yêu cầu**

- Quá trình lập kế hoạch được thực hiện công khai, minh bạch đảm bảo phát huy dân chủ tại cơ sở, bình đẳng giới và có sự tham gia của chính quyền, đại diện các tổ chức đoàn thể, đại diện cộng đồng dân cư cư trú trên địa bàn cấp xã.

- Cộng đồng dân cư được đề xuất và tham gia ý kiến vào kế hoạch thực hiện nội dung, hoạt động, dự án đầu tư thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia tại địa bàn cấp xã.

*** Nội dung kế hoạch**

- Nội dung, hoạt động, danh mục dự án đầu tư.

- Khả năng huy động vốn: Vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, huy động từ cộng đồng dân cư; các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

- Giải pháp tổ chức thực hiện, phân công trách nhiệm các bên tham gia.

*** Trình tự lập kế hoạch**

Bước 1. Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo rộng rãi tới cộng đồng dân cư tại thôn và các tổ chức đoàn thể, các bên có liên quan về mục tiêu, dự kiến các hoạt động, hình thức hỗ trợ và nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tại địa bàn xã.

Bước 2. Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn các Ban phát triển thôn tổ chức họp cộng đồng dân cư để thống nhất nội dung đề xuất nhu cầu thực hiện các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia.

Bước 3. Ban phát triển thôn rà soát, tổng hợp nhu cầu của cộng đồng dân cư gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bước 4. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức họp thảo luận, thống nhất về các nội dung, hoạt động đưa vào kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã, làm rõ các khoản đóng góp, khả năng tham gia của cộng đồng dân cư.

Bước 5. Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã phê duyệt trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm sau cấp xã, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp.

2.2. Công tác thực hiện nội dung, hoạt động, dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2.2.1. Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

(1) Hỗ trợ đất ở

a) Đối tượng được hỗ trợ:

Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS và miền núi chưa có đất ở.

Lưu ý: Không hỗ trợ đất ở đối với các hộ đã nhận hỗ trợ đất ở từ các chương trình, chính sách trước đây nhưng đến nay đã chuyển nhượng, cho, tặng; Việc giao đất ở phải gắn phương án làm nhà ở trên diện tích đất được giao, tránh tình trạng các hộ được giao đất ở nhưng lại không có nhà ở.

b) Cách triển khai

Ở những nơi có điều kiện về đất đai, chính quyền địa phương sử dụng số tiền hỗ trợ từ ngân sách để tạo mặt bằng, làm hạ tầng kỹ thuật để cấp đất ở cho các đối tượng được thụ hưởng.

Ở những nơi không có điều kiện về đất đai, chính quyền địa phương bố trí kinh phí hỗ trợ cho người dân tự ổn định chỗ ở theo hình thức xen ghép, tự chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách và hướng dẫn các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí ngân sách địa phương và thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ được hỗ trợ đất ở theo quy định.

c) Mức hỗ trợ Ngân sách Nhà nước:

Ngân sách Trung ương: Hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng/hộ để tạo mặt bằng, làm hạ tầng kỹ thuật đất ở hoặc để người dân tự ổn định chỗ ở theo hình thức xen ghép.

Ngân sách địa phương: Hỗ trợ tối thiểu 04 triệu đồng/hộ để tạo mặt bằng, làm hạ tầng kỹ thuật đất ở hoặc để người dân tự ổn định chỗ ở theo hình thức xen ghép.

d) Ngân hàng chính sách xã hội cho vay hỗ trợ đất ở

Đối tượng vay vốn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Cư trú hợp pháp tại địa phương và có tên trong danh sách hộ gia đình được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về đất ở do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Thành viên đại diện vay vốn của hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay.

Mức cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận nhưng không vượt quá 50 triệu đồng/hộ. Thời hạn vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận nhưng tối đa là 15 năm. Trong 5 năm đầu, khách hàng chưa phải trả nợ gốc. Lãi suất cho vay bằng 3%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

(2) Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo

Trường hợp 1: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo

a) Đối tượng được hỗ trợ:

Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng. Hộ được hỗ trợ đất ở thì được đồng thời xem xét hỗ trợ nhà ở.

b) Cách triển khai:

Hỗ trợ đầu tư xây dựng 01 căn nhà theo phong tục tập quán của địa phương; đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m² “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách và hướng dẫn các hộ gia đình:

- Hộ chưa có nhà: Hộ gia đình tự xây dựng mới nhà ở bằng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, vốn vay tín dụng của Ngân hàng Chính sách xã hội và nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có);

- Ngân sách Trung ương: Hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng/hộ để xây dựng 01 căn nhà theo phong tục tập quán của địa phương, bảo đảm 3 cứng (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng).

- Ngân sách địa phương: Hỗ trợ tối thiểu 04 triệu đồng/hộ để xây dựng 01 căn nhà theo phong tục tập quán của địa phương, bảo đảm 3 cứng (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng).

- Hộ có nhà ở bị đột nát, hư hỏng: Hộ gia đình tự tổ chức sửa chữa, cải tạo nhà ở từ nguồn vay vốn tín dụng của Ngân hàng Chính sách xã hội và nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

Trường hợp người dân không thể tự xây mới hoặc sửa chữa, cải tạo nhà ở, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức đoàn thể xã hội hỗ trợ các đối tượng thụ hưởng xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo nhà ở đảm bảo yêu cầu về chất lượng nhà ở theo quy định.

c) Ngân hàng Chính sách cho vay hỗ trợ nhà ở

Đối tượng vay vốn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Cư trú hợp pháp tại địa phương và có tên trong danh sách hộ gia đình được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Thành viên đại diện vay vốn của hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay.

Mức cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận nhưng không vượt quá 40 triệu đồng/hộ. Thời hạn cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận, nhưng tối đa là 15 năm. Trong 5 năm đầu, khách hàng chưa phải trả nợ gốc. Lãi suất cho vay bằng 3%/năm, Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

Trường hợp 2. Hỗ trợ nhà ở đối với trường hợp phải thay đổi chỗ ở do sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

a) Đối tượng được hỗ trợ:

- Hộ gia đình được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen

ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

- Hộ đồng bào dân tộc thiểu số còn du canh, du cư.
- Hộ gia đình cá nhân di cư tự do đến địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn.
- Hộ gia đình, cá nhân sống ở địa bàn đặc biệt khó khăn, nơi thường xuyên xảy ra thiên tai hoặc có nguy cơ xảy ra thiên tai cần phải bố trí, sắp xếp ổn định dân cư.
- Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện di chuyển đến sinh sống ở các xã biên giới, các điểm bố trí dân cư tập trung hoặc được bố trí đến sinh sống ổn định ở các xã biên giới, các điểm bố trí dân cư theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước.

b) Mức hưởng

Hộ nghèo thì được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở theo mức hỗ trợ quy định cho hộ nghèo

Không thuộc diện hộ nghèo: thì được hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ theo quy định về nội dung hỗ trợ nhà.

(3). *Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề*

a) Đối tượng được hỗ trợ

- Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi sinh sống bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp chưa có đất sản xuất.

- Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi sinh sống bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp chưa có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy định của từng địa phương, có nhu cầu chuyển đổi nghề hoặc có nhu cầu hỗ trợ đất sản xuất nhưng không bố trí được đất sản xuất thì được xem xét, hỗ trợ chuyển đổi nghề.

(**Lưu ý:** Không hỗ trợ đất sản xuất đối với các hộ đã nhận hỗ trợ đất sản xuất từ các chương trình, chính sách trước đây nhưng đến nay đã chuyển nhượng, cho, tặng)

- Các hộ thuộc đối tượng phải thay đổi chỗ ở do sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết.

b) Nội dung hỗ trợ và cách thức thực hiện

*** Hỗ trợ trực tiếp bằng đất sản xuất:**

Trường hợp địa phương còn quỹ đất có khả năng sản xuất được, Ủy ban

nhân dân cấp huyện giao đất cho các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách chưa có đất sản xuất.

Các hộ thuộc đối tượng hỗ trợ trực tiếp đất sản nhưng chính quyền địa phương không bố trí được đất sản xuất, được xem xét vay vốn tín dụng để tạo quỹ đất và không được hỗ trợ chuyển đổi nghề.

Ủy ban nhân dân huyện thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ được hỗ trợ đất sản xuất theo quy định.

*** Hỗ trợ chuyển đổi nghề (đối với hộ nghèo)**

Trường hợp chính quyền địa phương không bố trí được đất sản xuất, thì hộ không có đất hoặc thiếu đất sản xuất được hỗ trợ 01 lần chuyển đổi nghề.

Mức hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/hộ để mua sắm nông cụ, máy móc, làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi sang làm các ngành nghề trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất, kinh doanh khác (bằng tiền hoặc hiện vật) và được vay vốn tín dụng ưu đãi.

Trường hợp không có nhu cầu mua sắm nông cụ, máy móc thì được hỗ trợ học nghề để chuyển đổi nghề, hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng.

Căn cứ danh sách các hộ dân được hỗ trợ chuyển đổi nghề đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, danh sách các hộ dân đăng ký phương thức hỗ trợ (bằng tiền, hiện vật hoặc học nghề), Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp nhu cầu và phân loại theo từng phương thức thực hiện gửi cơ quan làm công tác dân tộc cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mức hỗ trợ cho từng hộ dân.

Trường hợp các hộ dân nhận hỗ trợ bằng tiền, Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn các hộ dân tự mua sắm nông cụ, máy móc, làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp, học nghề, chuyển đổi sang làm các ngành nghề trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất kinh doanh khác theo nhu cầu đã đăng ký và thực hiện thanh quyết toán theo quy định.

Trường hợp các hộ đăng ký nhận hỗ trợ bằng hiện vật, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ nhu cầu, chỉ đạo đơn vị chuyên môn hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức mua sắm theo quy định của pháp luật và thực hiện cấp phát cho các hộ dân.

Trường hợp các hộ đăng ký học nghề, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, giao đơn vị chuyên môn phối hợp với các cơ sở đào tạo hỗ trợ đào tạo nghề cho các hộ dân theo quy định.

c) Ngân hàng chính sách cho vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề (đối với hộ nghèo)

Đối tượng vay vốn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau

- Cư trú hợp pháp tại địa phương và có tên trong danh sách hộ gia đình được thụ hưởng chính sách hỗ trợ đất sản xuất hoặc danh sách hộ gia đình được thụ hưởng chính sách hỗ trợ học nghề, chuyển đổi nghề do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Thành viên đại diện vay vốn của hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay.

- Đối tượng vay vốn chỉ được thụ hưởng một trong hai chính sách hỗ trợ đất sản xuất hoặc hỗ trợ học nghề, chuyển đổi nghề.

** Mức cho vay:*

- Mức cho vay hỗ trợ đất sản xuất do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận nhưng không vượt quá 77,5 triệu đồng/hộ.

- Mức cho vay chuyển đổi nghề do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận tối đa bằng mức cho vay phục vụ sản xuất, kinh doanh đối với hộ nghèo được quy định trong từng thời kỳ. Mức cho vay chi phí học nghề tối đa bằng mức cho vay áp dụng đối với chính sách tín dụng học sinh, sinh viên quy định trong từng thời kỳ.

Thời hạn cho vay: Tối đa là 10 năm; *Lãi suất cho vay:* Bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

(4) Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán

a) Đối tượng được hỗ trợ

Hộ dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có khó khăn về nước sinh hoạt.

b) Cách thức thực hiện

Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho từng hộ dân, tối đa 03 triệu đồng/hộ (mỗi hộ chỉ được hỗ trợ 01 lần) để hỗ trợ hộ dân:

- Hồ trợ mua lu, bồn, téc, vật dụng chứa nước.
- Hoặc hồ trợ tự làm bể chứa nước.
- Hoặc hồ trợ tự đào giếng hoặc tự tạo nguồn nước khác.

Tùy theo tình hình thực tế của từng địa phương, căn cứ nguyện vọng của các đối tượng thụ hưởng, có thể tiến hành hồ trợ theo nhóm hộ để xây dựng những công trình sử dụng chung, nhóm hộ phải tự nguyện, cam kết bảo dưỡng và duy trì công trình, đảm bảo có nguồn nước ổn định. Số lượng thành viên nhóm hộ trên cơ sở bàn bạc, thống nhất của người dân.

2.2.2. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

b) Đối tượng được hồ trợ

- Hộ gia đình được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

- Hộ đồng bào dân tộc thiểu số còn du canh, du cư.
- Hộ gia đình cá nhân di cư tự do đến địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn.
- Hộ gia đình, cá nhân sống ở địa bàn đặc biệt khó khăn, nơi thường xuyên xảy ra thiên tai hoặc có nguy cơ xảy ra thiên tai cần phải bố trí, sắp xếp ổn định dân cư.

- Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện di chuyển đến sinh sống ở các xã biên giới, các điểm bố trí dân cư tập trung hoặc được bố trí đến sinh sống ổn định ở các xã biên giới, các điểm bố trí dân cư theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước.

- Xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Cách thức thực hiện

- Ủy ban nhân dân huyện thực hiện khảo sát vị trí, địa điểm phục vụ công tác quy hoạch, lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng bố trí dân cư tập trung.

Hồ trợ trực tiếp cho hộ.

+ *Hồ trợ nhà ở, đất (đối với trường hợp phải thay đổi chỗ ở)*

+ *Mức hồ trợ kinh phí di chuyển:* tính theo thực tế khi lập dự án, căn cứ quãng đường thực tế và đơn giá của loại phương tiện phổ thông tại địa phương. Trường hợp tự túc phương tiện, tự di chuyển bằng đường bộ: Mức hồ trợ tối đa bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm thực hiện hoạt động.

Việc hồ trợ đối với hộ gia đình thực hiện thông qua người đại diện của gia

đình là chủ hộ hoặc người đại diện cho hộ gia đình (là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, được ủy quyền bằng văn bản thay mặt gia đình nhận hỗ trợ).

- *Thực hiện các chính sách hỗ trợ hiện hành khác:* đối với các hộ được bố trí ổn định như người dân tại chỗ, đảm bảo cho người dân ổn định đời sống, sản xuất lâu dài.

- *Hỗ trợ địa bàn bố trí dân xen ghép:* Ngân sách Nhà nước hỗ trợ địa bàn bố trí dân xen ghép theo mức 60 triệu đồng/hộ để thực hiện các nội dung: Điều chỉnh đất ở, đất sản xuất giao cho các hộ mới đến (khai hoang, bồi thường theo quy định khi thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân khi thu hồi đất).

2.2.3. Hỗ trợ phát triển sản xuất

(1) Khoanh nuôi, bảo vệ, tái sinh rừng

a) Đối tượng được hỗ trợ

- Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, có thực hiện một trong các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng sau: bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên; trồng rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trên đất quy hoạch phát triển rừng được Nhà nước giao đất; nhận khoán bảo vệ rừng.

- Cộng đồng dân cư thôn thuộc các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được giao rừng theo quy định của pháp luật đang thực hiện bảo vệ rừng được giao hoặc rừng nhận khoán.

b) Nội dung hỗ trợ và cách thức thực hiện.

* Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng Nhà nước giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được Nhà nước giao cho các tổ chức kinh tế theo quy định hiện hành; diện tích rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý.

- Được hỗ trợ tiền khoán bảo vệ rừng là 400.000 đồng/ha) năm.

- Được hưởng lợi từ rừng và thực hiện trách nhiệm bảo vệ rừng theo quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước.

* Hỗ trợ bảo vệ rừng đối với rừng quy hoạch là rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình và khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung.

- Hỗ trợ bảo vệ rừng là 400.000 đồng/ha/năm.

- Hỗ trợ trồng rừng bổ sung, mức hỗ trợ theo thiết kế - dự toán, tối đa không

quá 1.600.000 đồng/ha/năm trong 03 năm đầu và 600.000 đồng/ha/năm cho 03 năm tiếp theo.

* Hỗ trợ một lần cho chu kỳ đầu tiên để trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ đối với diện tích đất được quy hoạch phát triển rừng sản xuất đã giao ổn định, lâu dài cho hộ gia đình.

Hỗ trợ từ 5.000.000 đến 10.000.000 đồng/ha để mua cây giống, phân bón và chi phí một phần nhân công bằng tiền đối với trồng cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ tùy theo chu kỳ kinh doanh của loài cây trồng theo thiết kế - dự toán.

* Hỗ trợ trồng rừng phòng hộ đối với diện tích đất được quy hoạch trồng rừng phòng hộ đã giao cho hộ gia đình theo quy định hiện hành. Hộ gia đình được hưởng lợi từ rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và các quy định có liên quan.

Mức kế hoạch vốn từ ngân sách Trung ương là 30 triệu đồng/ha; Trường hợp tổ chức (ngoài quốc doanh), hộ gia đình, cá nhân trồng rừng phòng hộ: Phần còn thiếu (so với mức hỗ trợ 30 triệu đồng/ha) theo dự toán thiết kế kỹ thuật thì tự bổ sung kinh phí để thực hiện.

* Trợ cấp gạo cho hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung, trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng phòng hộ.

Trợ cấp 15 kg gạo/khẩu/tháng hoặc bằng tiền tương ứng với giá trị 15 kg gạo/ khẩu/ tháng tại thời điểm trợ cấp trong thời gian chưa tự túc được lương thực. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức và thời gian trợ cấp nhưng tối đa không quá 7 năm.

Việc hỗ trợ kinh phí lập hồ sơ khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung chỉ thực hiện một (01) lần trước khi tiến hành khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung.

(2) Hỗ trợ phát triển sản xuất theo liên kết theo chuỗi giá trị

a) Đối tượng, địa bàn được hỗ trợ

Các hộ nghèo, cận nghèo. Ưu tiên hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động; hộ sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.

Các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số.

Địa bàn: Các xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Dự án, kế hoạch liên kết phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án.

- Đơn vị chủ trì liên kết và các đối tượng liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.

- Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Nội dung, phương thức hỗ trợ

*** Nội dung hỗ trợ**

- Đào tạo kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

- Chuyên gia, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

- Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi.

- Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

*** Mức hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước.**

- Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các Chương trình mục tiêu quốc gia.

*** Phương thức thực hiện**

Ngân sách Nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết thông qua đơn vị chủ trì liên kết.

d) Ngân hàng chính sách cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

*** Điều kiện vay vốn:** Đối tượng vay vốn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Đối với hộ nghèo, cận nghèo: Hộ nghèo, hộ cận nghèo đáp ứng điều kiện vay vốn, có tên trong danh sách thành viên tham gia chuỗi giá trị, có phương án vay vốn phù hợp.

- Đối với doanh nghiệp, Hợp tác xã:

+ Được thành lập, hoạt động hợp pháp, có phương án sử dụng vốn vay để tham gia chuỗi giá trị và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận tham gia vào chuỗi giá trị.

+ Được Ngân hàng Chính sách xã hội tham gia thẩm định phương án vay vốn trước khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội và quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

*** Mức cho vay, thời hạn cho vay**

- Mức cho vay, thời hạn cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia chuỗi giá trị theo Nghị định này áp dụng theo quy định hiện hành về chương trình tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Mức cho vay đối với doanh nghiệp, Hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị tối đa là 02 tỉ đồng/khách hàng, thời hạn cho vay tối đa là 5 năm.

*** Lãi suất cho vay**

- Lãi suất cho vay đối với hộ nghèo tham gia chuỗi giá trị theo Nghị định này bằng 50% lãi suất cho vay sản xuất, kinh doanh đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

- Lãi suất cho vay hộ cận nghèo, doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia chuỗi giá trị theo Nghị định này bằng 50% lãi suất cho vay sản xuất, kinh doanh đối với hộ cận nghèo quy định trong từng thời kỳ.

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

(3) Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cộng đồng

a) Đối tượng, địa bàn được hỗ trợ

- Các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các Chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo; Ưu tiên dự án do nhóm hộ, tổ hợp tác có trên 50% số thành viên là phụ nữ đề xuất.

- Địa bàn thực hiện tại các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Cộng đồng dân cư đề xuất dự án, phương án sản xuất, dịch vụ là:

+ Nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

+ Tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật.

+ Nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện.

+ Nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

- Hộ tham gia dự án, phương án sản xuất, dịch vụ phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án, phương án.

c) Nội dung và mức hỗ trợ

Theo Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, nội dung ưu tiên hỗ trợ từ ngân sách gồm:

- Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.

- Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi.

- Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm.

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia.

d) Xây dựng, thẩm định và phê duyệt dự án

* *Xây dựng dự án, hồ sơ gồm:*

- Biên bản họp dân.

- Kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm.

- Tổng chi phí dự án, đề nghị mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước chi tiết theo từng hoạt động, phần đóng góp của các thành viên tổ nhóm.

- Phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nếu có).

- Kết quả thực hiện dự án; hình thức luân chuyển, cách thức quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng (nếu có).

- Nhu cầu đào tạo, tập huấn về kỹ thuật; các rủi ro và giải pháp tài chính xử lý rủi ro (nếu có).

- Nội dung khác (nếu có).

** Lựa chọn dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng*

- Cơ quan chức năng thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

- Cộng đồng dân cư xây dựng hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất, dịch vụ gửi cơ quan, đơn vị thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Tổ chức thẩm định dự án, phương án sản xuất, dịch vụ.

- Quyết định phê duyệt dự án, phương án sản xuất: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án.

e) Phương thức hỗ trợ

Ngân sách nhà nước hỗ trợ thông qua người đại diện do cộng đồng lựa chọn.

** Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch, dự toán thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất:*

- Ký hợp đồng với đại diện tổ nhóm cộng đồng thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động hỗ trợ theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao (nếu có).

- Thanh toán, giải ngân vốn cho đại diện tổ nhóm cộng đồng, các bên liên quan theo tiến độ thực hiện tại Hợp đồng ký kết với đại diện tổ nhóm cộng đồng.

- Lập sổ theo dõi, giám sát việc sử dụng tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có), tổ chức thanh lý, thu hồi tài sản theo quy định (nếu có).

- Giám sát kết quả thực hiện dự án, phương án sản xuất, dịch vụ.

** Trách nhiệm của đại diện tổ nhóm cộng đồng và các thành viên:*

- Thực hiện dự án, phương án sản xuất theo Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và Hợp đồng ký kết với cơ quan Nhà nước.

- Sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo đúng nội dung, mục đích, định mức theo Quyết định phê duyệt dự án.

- Lập sổ theo dõi tình hình sử dụng tài sản sau hỗ trợ, trích khấu hao tài sản cố định, định kỳ báo cáo cơ quan, đơn vị thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất (nếu có).

f) Thực hiện cơ chế quay vòng

Thực hiện cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Cộng đồng tự quản lý, tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng. Trường hợp cộng đồng không đủ năng lực quản lý, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cử cán bộ hỗ trợ cộng đồng quản lý, tổ chức quay vòng luân chuyển.

Tỷ lệ quay vòng, trình tự luân chuyển, quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và các nội dung khác về quản lý luân chuyển của cộng đồng thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trường hợp dự án kết thúc và đối tượng tham gia dự án không còn nhu cầu sử dụng vốn bằng tiền hoặc hiện vật để quay vòng, luân chuyển, tái đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất quyết định thu hồi vốn bằng tiền hoặc bán hiện vật thu tiền nộp vào tài khoản tiền gửi của cơ quan, đơn vị mở tại kho bạc nhà nước để sử dụng hỗ trợ thực hiện dự án, phương án mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có) hoặc thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

(4) Hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý

Các dự án phát triển sâm và dược liệu quý có hoạt động ở các địa bàn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, sử dụng tối thiểu 50% lao động là người dân tộc thiểu số (ưu tiên các dự án sử dụng trên 50% lao động là nữ), do các tổ chức kinh tế và cá nhân, hộ gia đình người dân tộc thiểu số, hộ nghèo sinh sống trong vùng có điều kiện tự nhiên phù hợp cùng tham gia thực hiện và cam kết hỗ trợ thu mua, sản xuất, tiêu thụ dược liệu trong vùng.

Thôn, xã, huyện, tỉnh nơi triển khai dự án.

(5) *Hỗ trợ phát triển sản xuất mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.*

a) Đối tượng được hỗ trợ

- Hộ gia đình người dân tộc thiểu số; hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo người Kinh.

- Các cơ sở sản xuất; cơ sở chế biến tiêu thụ sản phẩm; doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số và miền núi.

- Các tổ chức, đoàn thể, cán bộ chuyên môn tham gia dự án.

Các xã khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn chiến lược về quốc phòng an ninh.

b) Nội dung hỗ trợ và cách thức thực hiện

* *Hỗ trợ các dự án, mô hình chăn nuôi:* Hỗ trợ phát triển chăn nuôi; chế biến thức ăn chăn nuôi tại chỗ; tập huấn, tư vấn kỹ thuật gắn với nhiệm vụ xây dựng thể trận quốc phòng an ninh và các hoạt động khác có liên quan;

* *Hỗ trợ các dự án, mô hình trồng trọt* (phát triển cây trồng phù hợp với thổ nhưỡng của từng vùng, miền): Hỗ trợ phát triển trồng trọt; tập huấn, tư vấn kỹ thuật gắn với nhiệm vụ xây dựng thể trận quốc phòng an ninh và các hoạt động khác có liên quan;

Mức hỗ trợ dự án, mô hình chăn nuôi, trồng trọt (như mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế).

(6) *Hỗ trợ phát triển sản xuất nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù*

*** Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế**

- *Đối với các hộ dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù:*

Hỗ trợ giống, chuồng trại, một số vật tư đầu vào để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, vắc xin tiêm phòng các dịch bệnh nguy hiểm cho gia súc, gia cầm: Tối đa 10 triệu đồng/hộ/năm.

Hỗ trợ nâng cao kiến thức, trình độ năng lực sản xuất, tổ chức lớp tập huấn cho các hộ gia đình về kiến thức sản xuất tại thôn, bản và học tập trao đổi kinh nghiệm cho cộng đồng.

Hỗ trợ xây dựng mô hình, tổ hợp tác liên kết theo chuỗi sản xuất tiêu thụ sản phẩm và các hoạt động phát triển sản xuất khác do cộng đồng đề xuất phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Tối đa 500 triệu đồng/mô hình/tổ hợp tác.

- *Đối với các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn:* Hỗ trợ đầu tư có thu hồi vốn theo hộ hoặc cộng đồng chăn nuôi, phát triển sản xuất thông qua vay vốn tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi đặc biệt. Trường hợp xác định vật nuôi hoặc cây trồng khác phù hợp với địa phương, thực hiện đầu tư và tính quy đổi giá trị từ bò hoặc gà nhưng tổng kinh phí hỗ trợ/hộ không thay đổi so với hạn mức được giao.

(7) *Hỗ trợ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.*

a) Đối tượng được hỗ trợ

- Doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có kế hoạch mở rộng kinh doanh, sản xuất.

- Các doanh nghiệp, hợp tác xã mới thành lập có các hoạt động và sử dụng lao động trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Các trường đại học có đông sinh viên dân tộc thiểu số theo học và có các hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh tại các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Nguyên tắc thực hiện

- Mỗi xã đặc biệt khó khăn có tối thiểu 1 mô hình khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp được hỗ trợ. Mô hình được hỗ trợ phải tạo việc làm, có hợp đồng thu mua sản phẩm cho ít nhất 15 hộ gia đình thuộc địa bàn xã khu vực III.

- Ưu tiên hỗ trợ cho các mô hình khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp do phụ nữ làm chủ hoặc có từ 50% trở lên số lao động là phụ nữ tham gia mô hình, các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị được hỗ trợ bằng nguồn vốn của Chương trình.

- Mỗi mô hình khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp khi được lựa chọn hỗ trợ sẽ được nhận hỗ trợ theo giai đoạn không quá 3 năm dưới các hình thức: Hỗ trợ một phần chi phí thực hiện mô hình, hỗ trợ cung cấp thông tin, hỗ trợ kết nối cá nhân/tổ chức chủ trì mô hình được tham gia các hoạt động của hệ sinh thái thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, lồng ghép các nguồn lực để hỗ trợ mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh phát triển bền vững và mở rộng, phát huy hiệu quả đầu tư của Chương trình.

2.2.4. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu

(1) Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu

a) Phạm vi, đối tượng.

- Các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn (xã khu vực III, các thôn, bản đặc biệt khó khăn), xã an toàn khu (ATK) khu vực I, II (xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới).

- Các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (đối với nội dung đầu tư xây dựng đường giao thông đến trung tâm xã, đường liên xã).

b) Nội dung hỗ trợ.

Đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh; công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thôn, bản; công trình nước sinh hoạt tập trung, trạm chuyển tiếp phát thanh xã, nhà sinh hoạt cộng đồng; trường, lớp học đạt chuẩn; các công trình thủy lợi nhỏ; các công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế xã bảo đảm đạt chuẩn.

- Đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã chưa được cứng hóa; ưu tiên đầu tư đối với các xã chưa có đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã, đường liên xã (từ trung tâm xã đến trung tâm xã).

- Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn đặc biệt khó khăn và công trình cơ sở hạ tầng các xã, thôn đã đầu tư từ giai đoạn trước.

(2) Đầu tư mạng lưới chợ các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Đầu tư xây mới chợ (bao gồm xây mới trên nền chợ cũ), cải tạo, nâng cấp chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Ngân sách trung ương hỗ trợ bình quân 4.400 triệu đồng/chợ để đầu tư xây dựng mới và bình quân 800 triệu đồng/chợ để cải tạo, nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

(3) Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng tại các thôn tập trung đông đồng bào dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù, có tỉ lệ hộ nghèo cao; ưu tiên đầu tư các thôn đặc biệt khó khăn

Về đường giao thông: Xây dựng mới hoặc nâng cấp, sửa chữa, cứng hóa đường giao thông từ trung tâm xã đến các thôn, bản, đường nội thôn, liên thôn.

Về điện sản xuất, sinh hoạt: Bổ sung các trạm biến áp và lưới điện phân phối đến các hộ dân.

Về thủy lợi: Xây dựng mới hoặc sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi nhỏ;

Công trình chống sạt lở: Xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp công trình chống sạt lở tại những điểm thôn, bản có nguy cơ sạt lở cao, ảnh hưởng trực tiếp đến khu vực dân cư, trường học.

Các công trình về văn hóa - giáo dục: Xây dựng mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà sinh hoạt cộng đồng, trạm chuyên tiếp phát thanh xã, công trình phục vụ phát triển du lịch cộng đồng; kiên cố hóa các lớp học, sân chơi cho trẻ mẫu giáo, nhà công vụ cho giáo viên, nhà ở bán trú, bếp ăn cho học sinh và các công trình phụ trợ khác.

Công trình đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định quản lý đầu tư công hoặc theo cơ chế đặc thù đối với công trình thực hiện theo cơ chế đặc thù.

Mức kinh phí sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền đối với từng công trình sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng.

Lưu ý: Thực hiện cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng công trình

*** Nguyên tắc tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù:**

- *Tổ chức thực hiện:* Phải có sự tham gia của người dân trong quá trình lập hồ sơ, tổ chức thi công xây dựng, bảo trì công trình.

- *Nguồn vốn đầu tư:* Ngân sách Nhà nước hỗ trợ một phần vốn, phần còn lại do người dân đóng góp và từ nguồn vốn hợp pháp khác tại địa phương để thực hiện dự án đầu tư xây dựng. Đối với dự án thực hiện trên địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn, ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% tổng mức đầu tư.

- *Đóng góp của người dân:* Có thể bằng tiền hoặc bằng hiện vật, ngày công lao động được quy đổi thành tiền; phải được tính trong giá trị công trình để theo dõi, quản lý tỷ lệ đóng góp đã được thống nhất; không hạch toán vào thu, chi ngân sách Nhà nước.

- *Ưu tiên sử dụng lao động, vật liệu tại chỗ:* Để thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù. Đơn giá lập hồ sơ xây dựng công trình được xác định trên cơ sở giá thị trường được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

- *Thanh toán vốn ngân sách nhà nước:* Trên cơ sở kết quả nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận. Chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư xây dựng

*** Tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù:**

- Thuộc nội dung đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Dự án nằm trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã, do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

- Tổng mức đầu tư dự án không vượt quá 05 tỷ đồng.
- Kỹ thuật không phức tạp, có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc các thiết kế sẵn có đã áp dụng trên địa bàn cấp huyện.
- Thuộc danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

*** Lập, thẩm định, phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản:**

Bước 1. Lập hồ sơ xây dựng:

- Các dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù được phép lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đơn giản (gọi tắt là Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản).
- Hồ sơ đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định.
- Cộng đồng tham gia vào quá trình lập hồ sơ xây dựng.
- Trách nhiệm lập: Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn (Trường hợp UBND xã giao công trình cho thôn thực hiện) hoặc Cơ quan chuyên môn cấp huyện hỗ trợ lập (trường hợp Ủy ban nhân dân xã có văn bản đề nghị).

Bước 2. Thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản và phê duyệt đầu tư dự án:

- *Trách nhiệm:* Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản.

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không đủ năng lực thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan chuyên môn trực thuộc tổ chức thẩm định.

- *Thời gian thẩm định:* Cơ quan thẩm định báo cáo kết quả thẩm định bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Bước 3. Phê duyệt đầu tư dự án: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt đầu tư dự án.

Đối với các dự án khởi công mới được bố trí vốn hằng năm, thời gian phê duyệt đầu tư dự án phải đảm bảo trước thời điểm giao kế hoạch vốn chi tiết cho dự án.

*** Lựa chọn nhà thầu thi công:**

- Hình thức lựa chọn nhà thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu là: Tham gia thực hiện của cộng đồng.

- Nguyên tắc lựa chọn nhà thầu:

Cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ có kinh nghiệm, trình độ kỹ thuật về tổ chức thực hiện gói thầu xây dựng có quy mô nhỏ và không phức tạp là người dân cư trú trên địa bàn xã có dự án hoặc trên địa bàn huyện (nếu không có hoặc không lựa chọn được nhà thầu trên địa bàn xã).

Trường hợp không có hoặc không lựa chọn được cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ thực hiện gói thầu trên địa bàn cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã được lựa chọn hợp tác xã thực hiện gói thầu.

- Tư cách hợp lệ của hợp tác xã, cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ tại địa phương thực hiện gói thầu.

+ Người đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật, không thuộc đối tượng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, được cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ tín nhiệm lựa chọn để thay mặt cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ ký kết hợp đồng.

+ Hợp tác xã tham gia thực hiện gói thầu phải có trụ sở chính đặt tại địa bàn xã hoặc huyện có dự án, trong đó ưu tiên lựa chọn hợp tác xã có trụ sở chính đặt tại địa bàn xã nơi có dự án; phải có Hồ sơ chứng minh năng lực, kinh nghiệm thực hiện công trình đầu tư tương tự; có cam kết sử dụng nhân công trực tiếp thực hiện các hoạt động xây dựng công trình là người dân tại địa bàn xã có dự án.

- Quy trình lựa chọn nhà thầu.

Bước 1: Ban quản lý xã dự thảo hợp đồng.

Bước 2. Ban quản lý xã niêm yết thông báo công khai (tối thiểu 3 ngày làm việc).

Bước 3. Nhận hồ sơ dự thầu.

Nhà thầu quan tâm đến dự án đầu tư nhận dự thảo hợp đồng để nghiên cứu và chuẩn bị đơn đăng ký thực hiện gói thầu hoặc dự án, nộp hồ sơ cho Ban quản lý xã.

Bước 4. Đóng thầu, mở thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, thương thảo, quyết định lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng.

- Thời gian tối đa từ khi thông báo công khai về việc mời tham gia thực hiện gói thầu đến khi ký kết hợp đồng là 15 ngày.

- Trường hợp cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp có đủ năng lực quản lý, tổ chức thi công đối với dự án có kỹ thuật không phức tạp và tổng mức đầu tư

dưới 500 triệu đồng, Ủy ban nhân dân cấp xã được lựa chọn cơ chế giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện dự án theo định mức hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

*** Tổ chức, quản lý thi công, nghiệm thu công trình và thanh toán, quyết toán dự án đầu tư xây dựng**

- *Tổ chức thi công công trình:* Ban quản lý xã tiến hành ký kết hợp đồng với đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức, tổ nhóm thợ trúng thầu hoặc Ban phát triển thôn để tổ chức thực hiện.

- *Quản lý chất lượng:* Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý chất lượng, tiến độ, khối lượng, an toàn lao động, môi trường xây dựng, chi phí quản lý đầu tư xây dựng công trình đầu tư thực hiện theo cơ chế đặc thù.

- *Giám sát thi công:* Ban quản lý xã, Ban giám sát của cộng đồng xã có trách nhiệm giám sát trong quá trình thi công công trình.

- *Tổ chức nghiệm thu:* Ban quản lý xã tổ chức nghiệm thu công trình nghiệm thu hoàn thành công trình; kết quả nghiệm thu được xác nhận bằng biên bản; riêng nghiệm thu công việc xây dựng có thể ghi trực tiếp vào nhật ký thi công xây dựng công trình.

- *Tổ chức thanh, quyết toán:* Quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán dự án, công trình áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

*** Quản lý vận hành và bảo trì công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù**

Trách nhiệm quản lý vận hành công trình xây dựng: Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn.

Kế hoạch bảo trì: Ban quản lý xã xây dựng kế hoạch bảo trì, Ủy ban nhân dân xã Quyết định kế hoạch bảo trì và lựa chọn cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ, hợp tác xã thực hiện bảo trì công trình xây dựng.

Lập dự toán chi phí bảo trì công trình: Theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

(4) Duy tu, bảo dưỡng và quản lý, vận hành công trình

*** Trách nhiệm:**

Ủy ban nhân dân xã giao Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn trực tiếp quản lý vận hành công trình xây dựng; Ban quản lý xã xây dựng kế hoạch bảo trì.

Ủy ban nhân dân xã quyết định kế hoạch bảo trì và lựa chọn cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ, Hợp tác xã thực hiện bảo trì công trình xây dựng.

*** Nội dung bảo trì công trình:**

- Kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa công trình.
- Thay thế hạng mục, thiết bị công trình nhưng không làm thay đổi công năng, quy mô công trình.

*** Nguồn kinh phí:**

- Những công trình phục vụ lợi ích chung trong phạm vi xã, thôn (bao gồm cả các công trình không được đầu tư bằng nguồn vốn của Tiểu dự án) do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý được sử dụng kinh phí hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng của Tiểu dự án để thực hiện; không sử dụng kinh phí của Tiểu dự án để duy tu, bảo dưỡng công trình đã bàn giao cho hộ, nhóm hộ quản lý sử dụng.

- Kinh phí hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng chỉ sử dụng cho sửa chữa nhỏ, tu bổ, bảo trì thường xuyên nhằm duy trì hoạt động bình thường của công trình; không sử dụng cho xây mới, nâng cấp, sửa chữa lớn công trình. Mức kinh phí sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền đối với từng công trình sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng.

*** Tổ chức thực hiện:**

- Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ đầu tư đối với nguồn kinh phí hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng công trình.

+ Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh mục công trình, hạng mục công trình cần duy tu, bảo dưỡng; thông báo, đồng thời tổ chức thảo luận công khai kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đến người dân và cộng đồng.

+ Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt kinh phí duy tu, bảo dưỡng từng công trình và hoàn thiện kế hoạch duy tu, bảo dưỡng trên địa bàn xã, trình Ủy ban nhân dân xã thông qua, đồng thời gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp.

+ Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao cho tổ chức cộng đồng, tổ, nhóm thợ trên địa bàn xã nhận thầu thực hiện hoặc giao cho trưởng thôn tổ chức các hộ gia đình trong thôn thực hiện duy tu, bảo dưỡng đối với công trình do thôn quản lý; trường hợp tổ chức cộng đồng, tổ, nhóm thợ, các hộ gia đình trong thôn không đủ điều kiện và khả năng thực hiện, Ủy ban nhân dân cấp xã ký hợp đồng thuê tổ chức, cá nhân đủ năng lực thực hiện duy tu, bảo dưỡng.

- Quản lý, thanh toán kinh phí sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng

Việc quản lý, thanh toán kinh phí sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/07/2021 của Bộ Tài chính và các văn bản chuyên ngành quy định về công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng công trình (nếu có).

2.2.5. Hỗ trợ lĩnh vực giáo dục, đào tạo

(1) Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

(2) Bồi dưỡng kiến thức dân tộc

a) Đối tượng được hỗ trợ:

* *Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc nhóm:*

- Đối tượng 3: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy cấp xã; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Đối tượng 4: Cán bộ, công chức cấp xã; bí thư chi bộ, trưởng thôn ở địa bàn đồng đồng bào dân tộc thiểu số.

* *Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số:*

- Cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Nội dung hỗ trợ và cách thức thực hiện

- Chi phí dịch vụ đào tạo, chi phí triển khai nhiệm vụ nghiên cứu và các chi phí (bắt buộc) khác (nếu có) liên quan đến khóa đào tạo.

- Hỗ trợ kinh phí mua tài liệu học tập bắt buộc.

- Hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung.

- Hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết); chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho cán bộ, công chức, viên chức trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở đào tạo (trong trường hợp cơ sở đào tạo và đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ).

- Cán bộ, công chức, viên chức là nữ, là người dân tộc thiểu số được cử đi đào tạo được hưởng các chính sách, chế độ theo quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc.

(3) Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học

a) Đối tượng được hỗ trợ

* *Đào tạo dự bị đại học*

- Đối tượng tuyển sinh dự bị đại học xét chuyển vào học trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non đối với học sinh dự bị đại học.

Trong đó tập trung lựa chọn học sinh thuộc nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù. Ưu tiên học sinh dân tộc thiểu số thuộc các xã khu vực III, học sinh dân tộc thiểu số thuộc các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, nhóm các dân tộc thiểu số có chất lượng nguồn nhân lực thấp.

*** Đào tạo đại học**

- Sinh viên học tại các cơ sở giáo dục đại học được tiếp nhận sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học thuộc nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù.

- Sinh viên học tại các cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù.

*** Đào tạo sau đại học**

Cán bộ, công chức, viên chức thuộc nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù.

b) Nội dung hỗ trợ

Hỗ trợ học phí, chi phí học tập, chi phí sinh hoạt cho sinh viên là người dân tộc thiểu số đang theo học tại các cơ sở giáo dục đại học.

Hỗ trợ học bổng chính sách và các chế độ khác cho sinh viên, học viên.

(4) Đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

a) Đối tượng

- Người lao động là người dân tộc thiểu số, người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Cơ Sở giáo dục nghề nghiệp, cơ quan quản lý về giáo dục nghề nghiệp các cấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Các trung tâm dịch vụ việc làm, cơ sở giới thiệu việc làm có hoạt động liên quan đến người lao động là người dân tộc thiểu số và người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Các doanh nghiệp, tổ chức đưa người lao động vùng đồng bào dân tộc

thiếu số và miền núi đi làm việc ở nước ngoài; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc ở nước ngoài.

b) Nội dung hỗ trợ và cách thức thực hiện

- Chi xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo để thực hiện các mô hình, các lớp đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng.

- Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Xây dựng và triển khai mô hình đào tạo nghề, hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hỗ trợ người lao động thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Nội dung và mức hỗ trợ:

+ *Đối với người lao động là người dân tộc thiểu số, người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo sinh sống ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi:*

- Hỗ trợ đào tạo nghề, bồi dưỡng kỹ năng nghề.

- Hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ: Tối đa 4.000.000 đồng/người/khóa học.

- Hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí trong thời gian đào tạo: 50.000 đồng/người/ngày.

- Hỗ trợ tiền ở trong thời gian đào tạo: 400.000 đồng/người/tháng.

- Hỗ trợ tiền trang cấp đồ dùng cá nhân (quần áo đồng phục, chăn, màn, giày dép...) mức 600.000 đồng/người.

- Hỗ trợ tiền đi lại (01 lượt đi và về) cho người lao động từ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đến địa điểm đào tạo: Mức 200.000 đồng/người/khóa học đối với người lao động cư trú cách địa điểm đào tạo từ 15 km trở lên; mức 300.000 đồng/người/khóa học đối với người lao động cư trú tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn cách địa điểm đào tạo từ 10 km trở lên.

+ Chi phí làm thủ tục đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài:

- Lệ phí cấp hộ chiếu, giấy thông hành, giấy phép xuất cảnh.

- Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

- Lệ phí làm thị thực (visa) theo mức quy định hiện hành của nước tiếp nhận lao động.

- Chi phí khám sức khỏe theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, mức hỗ trợ tối đa 750.000 đồng/người.

+ *Người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ cận nghèo đang sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:*

- Hỗ trợ tiền đào tạo nghề, bổ túc kỹ năng nghề.

- Hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ theo chi phí thực tế, tối đa bằng 70% và hỗ trợ các chi phí khác theo mức hỗ trợ đối với đối tượng người dân tộc thiểu số, người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo.

(5) Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

a) Đối tượng

- Cộng đồng: Ban giám sát cộng đồng xã, đại diện cộng đồng, người dân, cộng tác viên giảm nghèo, các tổ duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng tại thôn, người có uy tín trong cộng đồng, ưu tiên người dân tộc thiểu số và phụ nữ trong các hoạt động nâng cao năng lực.

- Cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp: Nâng cao năng lực cán bộ thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc ở các cấp (bao gồm cán bộ thuộc các cơ quan, ban ngành, chủ trì và tham gia tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình) và cán bộ các tổ chức đoàn thể, lực lượng cốt cán, người có uy tín trong cộng đồng, các chức sắc, chức việc tôn giáo tham gia vào quá trình triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình.

b) Nội dung và mức chi

- Chi xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc; chi thực hiện nâng cao năng lực, nâng cao nhận thức.

- Chi tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước cho các đối tượng trực tiếp thực hiện Chương trình; tổ chức hội thảo, hội nghị chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương.

- Chi hỗ trợ chuyển đổi số và nâng cao khả năng học tập, chia sẻ kinh nghiệm trực tuyến cho cán bộ triển khai thực hiện Chương trình ở các cấp.

(6) Hỗ trợ các hoạt động nâng bước em tới trường - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Cán bộ, chiến sỹ quân đội nâng bước em tới trường: Hỗ trợ các em trong độ tuổi đi học (từ lớp 1 đến lớp 12) là dân tộc thiểu số đang sinh sống ở khu vực biên giới, có hoàn cảnh khó khăn; là con của người có uy tín, người tích cực tham gia bảo vệ biên giới trong đồng bào các dân tộc thiểu số và các em là người dân

tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù sinh sống ở khu vực biên giới được các đơn vị Quân đội nhận nuôi và hỗ trợ, giúp đỡ.

- *Đối với trường hợp nhận nuôi dưỡng:*

Hỗ trợ đồ dùng học tập, hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, biểu dương các em học sinh có kết quả học tập tốt.

Hỗ trợ sách giáo khoa cho các em học sinh; sách, vở, tài liệu, thiết bị dụng cụ giảng dạy cho cán bộ chiến sỹ trực tiếp tham gia Tiểu dự án: Theo thực tế phát sinh.

Hỗ trợ tiền ăn cho các em học sinh theo mức 60.000 đồng/người/ngày.

Các khoản chi phí khác (nếu có): tối đa không quá 01 triệu đồng/học sinh.

- *Đối với trường hợp nhận giúp đỡ:*

Hỗ trợ đồ dùng học tập, biểu dương các em học sinh có kết quả học tập tốt.

Hỗ trợ sách giáo khoa cho các em học sinh; sách, vở, tài liệu, thiết bị dụng cụ giảng dạy cho cán bộ chiến sỹ trực tiếp tham gia Tiểu dự án: Theo thực tế phát sinh.

Hỗ trợ tiền ăn.

Các khoản chi phí khác (nếu có)

2.2.6. *Hỗ trợ lĩnh vực văn hoá*

(1) Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

a) Đối tượng.

- Tỉnh, thành phố, huyện có xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Bản sắc văn hóa, di sản của các dân tộc thiểu số.

- Đồng bào các dân tộc thiểu số; nghệ nhân người dân tộc thiểu số.

- Cán bộ, công chức thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc.

- Văn hóa vật thể, phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số thiết chế văn hóa cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Nội dung và mức chi

- Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số rất ít người.

- Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tổ chức bảo tồn, phát huy lễ hội truyền thống tiêu biểu các dân tộc thiểu số khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch.

- Xây dựng chính sách và hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận.

- Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể.

- Hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một;

- Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số.

- Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng di dân tái định cư.

- Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số để cấp phát cho cộng đồng các dân tộc thiểu số.

- Tổ chức Ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

*** Đối với một số nội dung chi đặc thù thực hiện như sau:**

- Đối với hoạt động truyền dạy các loại hình văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số: việc chi mua vật tư, nguyên vật liệu thực hành, thuê trang thiết bị, dụng cụ, đạo cụ, nhạc cụ phục vụ hoạt động truyền dạy văn hóa phi vật thể do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

- Chi tổ chức thi đấu thực nghiệm các môn thể thao dân tộc

- Chi hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận: Hỗ trợ nghệ nhân ưu tú 800.000 đồng/ngày, nghệ nhân nhân dân 1.000.000 đồng/ngày. Chi thù lao cho nghệ nhân, người thực hành (am hiểu về văn hóa truyền thống, có khả năng hướng dẫn, truyền dạy trong cộng đồng) tham gia hướng dẫn, tập huấn, truyền dạy: 300.000 đồng/người/buổi. Số ngày hỗ trợ theo quyết định của cơ quan được giao nhiệm vụ và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch (nếu có); đảm bảo trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

- Tổ chức Ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số.

Hỗ trợ kinh phí tổ chức ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số

- Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các dân tộc thiểu số.

Mức hỗ trợ cho các địa phương đăng cai tổ chức các cuộc thi đấu thể thao truyền thống từ nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách trung ương đối với cuộc thi cấp huyện: Tối đa 200 triệu đồng/cuộc; cuộc thi cấp tỉnh thì tối đa 400 triệu đồng/cuộc; cuộc thi cấp quốc gia thì tối đa 1.000 triệu đồng/cuộc.

- Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Mức hỗ trợ tối đa 30 triệu đồng/tủ sách trong giai đoạn 2021-2025.

- Hỗ trợ chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số: Mức hỗ trợ theo quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền; đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Hỗ trợ trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Mức hỗ trợ theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền; tối đa 30 triệu đồng/nhà văn hóa hoặc khu thể thao cấp thôn.

(2) Hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, thông tin - truyền thông nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào dân tộc còn nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù

- Tổ chức lớp học tiếng dân tộc theo hình thức truyền khẩu, lớp học truyền dạy văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc tại thôn, bản.

- Khôi phục và bảo tồn nhạc cụ, trang phục, nghề truyền thống tiêu biểu: tối đa 300 triệu đồng/ngành/dân tộc/cả giai đoạn 2021-2025.

- Phục dựng bảo tồn lễ hội truyền thống tiêu biểu; sưu tầm các loại hình văn hóa truyền thống đặc sắc của các dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù: tối đa 300 triệu đồng/lễ hội/dân tộc/cả giai đoạn 2021-2025.

- Cấp trang thiết bị cho nhà sinh hoạt cộng đồng phù hợp với văn hóa truyền thống của từng dân tộc: Tối đa 30 triệu đồng/thôn/năm.

- Thành lập và duy trì hoạt động đội văn nghệ thôn, bản: Tối đa 20 triệu đồng/đội/thôn, bản/giai đoạn 2021-2025.

- Thông tin - truyền thông nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm giao lưu văn hóa, học tập trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương, thuê chuyên gia đối thoại, nói chuyện chuyên đề hoạt động mang tính chất nghiên cứu khoa học phục vụ hoạt động chuyên môn; kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết hội nghị.

- Chi thông tin tuyên truyền phục vụ bảo tồn lễ hội truyền thống.

- Tổ chức ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống, trình diễn trang phục của đồng bào các dân tộc.

2.2.7. Hỗ trợ lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân

(1) Phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

a) Đối tượng:

- Trung tâm y tế huyện.

- Cán bộ y tế, dân số; nhân viên Trung tâm y tế huyện; nhân viên trạm y tế xã, viên chức dân số xã; nhân viên y tế thôn bản, cộng tác viên dân số; cô đỡ thôn bản.

Đối với nhiệm vụ đào tạo, đối tượng thụ hưởng là:

+ Bác sĩ đã tốt nghiệp được tuyển dụng làm việc tại các cơ sở y tế thuộc các huyện nghèo, khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Bác sĩ đã tốt nghiệp, có hộ khẩu thường trú thuộc các huyện nghèo, khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Sinh viên đã trúng tuyển và nhập học đối với ngành điều dưỡng, các ngành thuộc nhóm ngành kỹ thuật y học trình độ đại học, có hộ khẩu thường trú thuộc các huyện nghèo, khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Các đối tượng được thụ hưởng của dự án phải cam kết công tác lâu dài tại đơn vị y tế tuyển cơ sở thuộc địa bàn thực hiện dự án (tối thiểu 05 năm) tính từ thời gian trực tiếp làm việc tại bệnh viện/trung tâm y tế tuyển huyện/trạm y tế xã (không kể thời gian đào tạo). Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng tại địa phương thực hiện ký cam kết về thời gian công tác với đối tượng được dự án hỗ trợ đào tạo.

b) Nội dung và mức chi

* Đào tạo, chuyển giao kỹ thuật

- Chi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho người làm công tác y tế, chuyển giao kỹ thuật về trạm y tế xã, đào tạo y học gia đình cho nhân viên trạm y tế xã.

- Hỗ trợ đào tạo bác sĩ chuyên khoa cấp I; đào tạo cử nhân điều dưỡng, cử nhân các ngành thuộc nhóm kỹ thuật y học theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Chi xây dựng mô hình đào tạo: Thực hiện theo quyết định phê duyệt mô hình của cấp có thẩm quyền.

*** Hỗ trợ phụ cấp cho cô đỡ thôn, bản**

Cô đỡ thôn, bản thuộc các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã được đào tạo và đang trực tiếp thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng, trường hợp chưa được hưởng mức phụ cấp nhân viên y tế thôn bản: hỗ trợ 0,5 mức lương cơ sở/tháng.

*** Hỗ trợ điểm tiêm chủng ngoại trạm**

- Hỗ trợ chi phí đi lại cho cán bộ tham gia công tác tiêm chủng; vận chuyển, bảo quản vắc xin tiêm chủng mở rộng.

- Chi hỗ trợ cán bộ trong những ngày tiêm chủng (ngoài chế độ công tác phí hiện hành): 50.000 đồng/người/buổi.

- Hỗ trợ các chi phí khác phát sinh trong quá trình tổ chức tiêm chủng ngoại trạm (nếu có) theo thực tế phát sinh, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

(2) Hỗ trợ nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Đối tượng

- Người dân tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt là nam nữ thanh niên, phụ nữ mang thai, bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi, cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ.

- Trung tâm y tế huyện, trạm y tế xã.

- Cán bộ y tế, dân số, nhân viên Trung tâm y tế huyện, nhân viên trạm y tế xã, viên chức dân số xã; nhân viên y tế thôn bản, công tác viên dân số.

- Đối với nội dung phòng chống bệnh Thalassemia, tập trung can thiệp trên nhóm nam nữ trước kết hôn (có thể chọn học sinh cấp 3 trường dân tộc nội trú), phụ nữ mang thai trong 3 tháng đầu thai kỳ đến khám tại bệnh viện huyện và tỉnh.

b) Nội dung và mức chi

** Truyền thông vận động xã hội, chuyển đổi hành vi và tư vấn chuyên môn tại cộng đồng về khám sức khỏe trước khi kết hôn và tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh.*

** Chi hỗ trợ cung cấp dịch vụ tầm soát, chẩn đoán và điều trị trước sinh và sơ sinh; dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn:*

- Chi khám, siêu âm, xét nghiệm cần thiết để sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh; tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn: Thực hiện theo quy trình chuyên môn y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định. Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế công lập do cấp có thẩm quyền quy định tại thời điểm thực hiện dịch vụ (chi phí này đã bao gồm lấy mẫu máu mao mạch, mẫu máu gót chân trẻ sơ sinh, mẫu máu ngón tay bà mẹ trong sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh);

- Chi gửi mẫu để thực hiện sàng lọc, gửi thông báo kết quả sàng lọc của đối tượng (bao gồm cả kết quả âm tính hoặc dương tính); chi phí đi lại khi phải chuyển tuyến theo phân tuyến chuyên môn kỹ thuật và chỉ định của thủ trưởng cơ sở khám chữa bệnh thực hiện dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh.

- Chi hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng sử dụng dịch vụ: 50.000 đồng/đối tượng.

- Chi hỗ trợ cho cán bộ trong những ngày thực hiện dịch vụ (ngoài chế độ công tác phí hiện hành): 50.000 đồng/người/01 buổi.

** Hỗ trợ cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn*

- Chi tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn theo quy trình chuyên môn y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định.

- Chi gửi mẫu để thực hiện sàng lọc, gửi thông báo kết quả sàng lọc của đối tượng (bao gồm cả kết quả âm tính hoặc dương tính); chi phí đi lại khi phải chuyển tuyến theo phân tuyến chuyên môn kỹ thuật và chỉ định của thủ trưởng cơ sở khám chữa bệnh thực hiện dịch vụ khám sức khỏe trước khi kết hôn.

** Chăm sóc và nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số:*

- Chi phổ biến kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; hướng dẫn người cao tuổi kỹ năng phòng bệnh, chữa bệnh và tự chăm sóc sức khỏe.

- Chi triển khai mô hình điểm về chăm sóc sức khỏe dài hạn; mô hình chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng, tại đơn vị nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe tập trung người cao tuổi.

- Chi tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ y tế làm công tác tư vấn, khám sức khỏe cho người cao tuổi.

- Chi tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ khám sức khỏe, sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.

Chi hỗ trợ cán bộ kỹ thuật thực hiện dịch vụ (ngoài tiền công tác phí hiện hành): 50.000 đồng/người/buổi.

Chi khám sức khỏe, sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi, lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho người cao tuổi theo quy trình chuyên môn y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định (không bao gồm các dịch vụ được thanh toán từ quỹ bảo hiểm y tế).

Chi hỗ trợ trực tiếp đối tượng sử dụng dịch vụ: 50.000 đồng/đối tượng.

** Hỗ trợ ổn định và phát triển dân số của đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới*

- Chi tổ chức tuyên truyền chính sách pháp luật của Nhà nước về dân số, cư trú, biên giới.

- Tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số.

- Chi kiểm soát, quản lý dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới.

** Nâng cao năng lực quản lý dân số vùng đồng bào DTTS và miền núi*

- Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cho cán bộ y tế dân số, cộng tác viên dân số về chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ quản lý dân số;

- Chi kiểm tra, đánh giá, quản lý.

** Chi hỗ trợ phòng chống bệnh Thalassemia*

- Chi truyền thông, thay đổi và nâng cao nhận thức, thái độ hành vi của cộng đồng người dân tộc thiểu số trong việc thực hành sàng lọc bệnh Thalassemia; hỗ trợ xây dựng và ban hành tài liệu hướng dẫn kỹ thuật chuyên môn có liên quan đến chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Thalassemia.

- Chi thực hiện các hoạt động sàng lọc bệnh Thalassemia (không bao gồm các dịch vụ được thanh toán từ quỹ bảo hiểm y tế).

- Chi xây dựng mô hình tầm soát và quản lý bệnh di truyền Thalassemia: Thực hiện theo quyết định phê duyệt mô hình của cấp có thẩm quyền trong phạm vi dự toán được giao.

(3) Hỗ trợ chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, trẻ em; nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số.

a) Đối tượng

- Phụ nữ mang thai, bà mẹ, trẻ em;

- Cán bộ y tế tại các tuyến, nhân viên y tế thôn bản, cô đỡ thôn bản, cộng tác viên dinh dưỡng;

- Người chăm sóc trẻ.

b) Nội dung và mức chi

* *Chi tập huấn tăng cường kiến thức, năng lực:* cho cán bộ y tế, người cung cấp dịch vụ tại các tuyến về chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời, chuyên trách dinh dưỡng, cộng tác viên dinh dưỡng thôn, bản về chăm sóc dinh dưỡng.

* *Chi triển khai mô hình Chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời.*

- Tổ chức khảo sát ban đầu tại các địa bàn sẽ triển khai.
- Triển khai tư vấn, hướng dẫn chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời tại cộng đồng.
- Chi tổ chức các buổi hướng dẫn trình diễn thức ăn cho trẻ em dựa trên các sản phẩm, thực phẩm tại địa phương;

Riêng chi mua các thực phẩm, nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động trình diễn bữa ăn cho trẻ em: Thực hiện theo giá thị trường tại địa phương và chứng từ chi tiêu hợp pháp, mức chi tối đa 10.000 đồng/trẻ/lần. Chi mua dụng cụ để trình diễn thực hiện theo giá thị trường tại địa phương và chứng từ chi tiêu hợp pháp. Chi dịch thuật (nếu có).

- Tổ chức giám sát hỗ trợ kỹ thuật giữa các tuyến.

* *Chi mua, vận chuyển các sản phẩm dinh dưỡng cấp miễn phí cho phụ nữ mang thai, phụ nữ sau sinh 01 tháng, trẻ em từ 06 tháng đến 23 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng, trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng cấp tính.*

* *Chi hỗ trợ thực hiện các gói dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế (không bao gồm các dịch vụ được thanh toán từ quỹ bảo hiểm y tế)*

- Chi mua sắm túi dụng cụ cô đỡ thôn, bản, gói đỡ đẻ sạch, vật tư tiêu hao, sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ - trẻ em, mô hình phục vụ đào tạo.

- Chi thực hiện các dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em;

+ Đối với các dịch vụ thực hiện tại cơ sở y tế: Mức chi theo giá dịch vụ khám chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám chữa bệnh công lập tại thời điểm thực hiện dịch vụ. Riêng khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em dưới 2 tuổi: hỗ trợ cơ sở y tế 100.000 đồng/lần (tối đa 4 lần/1 trẻ);

+ Đối với các dịch vụ thực hiện ngoài cơ sở y tế: Hỗ trợ nhân viên y tế, cô đỡ thôn, bản đỡ đẻ tại nhà cho bà mẹ không đến đẻ tại cơ sở y tế: 200.000 đồng/ca;

chăm sóc sau sinh cho bà mẹ và trẻ sơ sinh: 100.000 đồng/lần (tối đa 03 lần/bà mẹ, trẻ sơ sinh).

- Chi đào tạo chuyên môn cho nhân viên y tế, cô đỡ thôn, bản.
- Chi điều tra, khảo sát, đánh giá năng lực người đỡ đẻ ở các tuyến.
- Chi thẩm định các trường hợp tử vong mẹ, tử vong trẻ em:
- Chi họp Hội đồng thẩm định
- Chi công tác phí (nếu có)
- Chi thuê người dẫn đường; thuê người phiên dịch tiếng dân tộc (nếu cần thiết)
- Chi tuyên truyền, vận động phụ nữ khám thai định kỳ tại các cơ sở y tế; tư vấn kiến thức chăm sóc thai kỳ cho phụ nữ mang thai.

** Chi tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em.*

- Chi khảo sát xác định mô hình, nội dung, hình thức truyền thông về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ trẻ em phù hợp với văn hóa của các dân tộc.

- Chi xây dựng mô hình truyền thông tại cộng đồng về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em thông qua già làng, trưởng bản, người có uy tín.

- Chi xây dựng thí điểm Góc truyền thông về chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên và sức khỏe bà mẹ, trẻ em tại một số trường phổ thông dân tộc nội trú.

- Chi phát động và triển khai Tuần Lễ làm mẹ an toàn tại tuyến cơ sở; phát triển, xây dựng và in các sản phẩm truyền thông phù hợp với bối cảnh văn hóa của từng dân tộc; phát triển, xây dựng các sản phẩm truyền thông về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em trên các phương tiện truyền thông đại chúng và mạng xã hội.

- Chi tập huấn nâng cao năng lực truyền thông cho cán bộ các cấp (bao gồm cán bộ y tế và ban, ngành, đoàn thể cấp cơ sở về công tác chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em).

(4) Hỗ trợ bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù

- Đối với bà mẹ mang thai

Tổ chức hoạt động tư vấn dinh dưỡng tối thiểu 03 lần/thai kỳ; mức hỗ trợ cho người tư vấn tối đa 30.000 đồng/lần tư vấn/bà mẹ mang thai.

Hỗ trợ cán bộ kỹ thuật khám, theo dõi, cập nhật thông tin và quản lý bà mẹ mang thai cho tới khi sinh con (ngoài chế độ công tác phí hiện hành): Tối đa 50.000 đồng/lần; không quá 04 lần/thai phụ.

Hỗ trợ dinh dưỡng cho bà mẹ trước, trong và sau sinh: Tối đa 500.000 đồng/bà mẹ/thai kỳ.

Hỗ trợ phụ nữ mang thai thực hiện tầm soát, chẩn đoán một số bệnh tật bẩm sinh phổ biến theo Danh mục bệnh tật bẩm sinh phổ biến do Bộ Y tế quy định: Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế công lập do cấp có thẩm quyền quy định tại thời điểm thực hiện dịch vụ; tối đa 03 triệu đồng/bà mẹ.

Hỗ trợ chi phí đi lại cho phụ nữ mang thai đến cơ sở y tế khám thai và thực hiện tầm soát, chẩn đoán một số bệnh tật bẩm sinh phổ biến: Tối đa 500.000 đồng/bà mẹ/thai kỳ.

Hỗ trợ cho phụ nữ dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù sinh con đúng chính sách dân số: Tối đa 03 triệu đồng/bà mẹ. Đối với phụ nữ dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù khi sinh con đúng chính sách dân số thì được hưởng theo mức hỗ trợ cao nhất.

- Đối với trẻ em dưới 05 tuổi:

Hỗ trợ trẻ sơ sinh thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị các loại bệnh bẩm sinh phổ biến theo Danh mục bệnh tật bẩm sinh phổ biến do Bộ Y tế quy định. Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế công lập do cấp có thẩm quyền quy định tại thời điểm thực hiện dịch vụ.

Hỗ trợ 01 lần chi phí đi lại cho trẻ đến cơ sở y tế thực hiện tầm soát các loại bệnh tật bẩm sinh: Tối đa 500.000 đồng/trẻ.

Hỗ trợ điều trị suy dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng cấp tính nặng: Tối đa 03 triệu đồng/trẻ.

Hỗ trợ đảm bảo bữa ăn dinh dưỡng cân đối hợp lý cho trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập: Tối đa 550.000 đồng/tháng/trẻ. Thời gian hỗ trợ theo số tháng thực tế đi học và hỗ trợ tối đa không quá 36 tháng/trẻ.

*** Hỗ trợ xây dựng mô hình nâng cao chất lượng dân số tại thôn, bản có đông đồng bào dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù sinh sống tập trung**

- Hỗ trợ xây dựng mô hình nâng cao chất lượng dân số tại thôn, bản phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt: mức hỗ trợ tối đa 700 triệu đồng/mô hình/cả giai đoạn 2021-2025.

- Chi xây dựng và quản lý mô hình: mức tối đa 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện mô hình.

- Nội dung, hình thức, quy trình triển khai thực hiện mô hình thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc. Nội dung, mức chi tương ứng theo quy định tại

Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC tư này và thực tế phát sinh theo các hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp pháp, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều kiện hỗ trợ: Có đơn đề xuất tự nguyện tham gia mô hình của người dân hoặc cộng đồng dân cư được Ủy ban nhân dân cấp xã chứng thực.

Nội dung mô hình: Xây dựng mô hình theo các lĩnh vực:

Chăm sóc sức khỏe, phát triển thể lực cho người dân.

Phát triển giáo dục, hỗ trợ tâm lý nâng cao năng lực bản thân hòa nhập với cộng đồng.

Duy trì bảo tồn các giá trị văn hóa, lễ hội truyền thống.

Phát triển du lịch cộng đồng và một số mô hình khác phù hợp với khả năng và điều kiện thực tế tại địa phương.

(5) Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù

Đối tượng

- Nhóm vị thành niên, thanh niên là người dân tộc thiểu số thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù.

- Các bậc cha mẹ và học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú.

- Nhóm phụ nữ và nam giới người dân tộc thiểu số thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù tảo hôn, kết hôn cận huyết thống.

- Lãnh đạo cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị, xã hội các cấp trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số.

Nội dung hỗ trợ

- *Truyền thông nâng cao nhận thức*

Biên soạn, cung cấp tài liệu, tập huấn về kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình; Biên soạn tài liệu tập huấn về kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân, gia đình, phòng chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tài liệu hỏi - đáp về hôn nhân, về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; tờ rơi, tờ gấp, pano, áp phích, tranh cổ động, khẩu hiệu tuyên truyền pháp luật về hôn nhân, dân số và gia đình; biên soạn sổ tay, tài liệu cung cấp thông tin, kiến thức về hôn nhân và gia đình; sức khỏe sinh sản.

Tổ chức các hội nghị lồng ghép, hội thảo, tọa đàm, giao lưu văn hóa, nhằm tuyên truyền hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tổ chức các hội thi tìm hiểu về pháp luật, về hôn nhân, về kết hôn tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức công tác dân tộc, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân, dân số và gia đình cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân tộc, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật tại địa phương.

Hỗ trợ, cung cấp tài liệu, sản phẩm truyền thông liên quan về hôn nhân, dân số và gia đình cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện tuyên truyền và ngăn ngừa tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, giao lưu, thăm quan, học hỏi kinh nghiệm nhằm nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân tộc, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật tại Trung ương, địa phương.

**** Công tác tư vấn, can thiệp lồng ghép***

Tăng cường các hoạt động tư vấn, can thiệp lồng ghép với các chương trình, dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng, phát triển thể chất có liên quan trọng lĩnh vực hôn nhân nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Chi tổ chức các buổi tọa đàm, giao lưu, các lớp giáo dục truyền thông, tư vấn, nói chuyện chuyên đề

Chi thù lao báo cáo viên.

Tùy theo tình hình thực tế và trong phạm vi dự toán được giao, thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức các buổi tọa đàm, giao lưu, các lớp giáo dục truyền thông, tư vấn, nói chuyện chuyên đề quyết định hỗ trợ phụ cấp tiền ăn, tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho báo cáo viên.

Chi thuê địa điểm, bàn ghế, thiết bị âm thanh, máy chiếu, máy tính và các trang thiết bị cần thiết khác (nếu có).

Chi nước uống cho người tham dự.

Chi tài liệu, văn phòng phẩm, chi khác phục vụ hoạt động tọa đàm, giao lưu, các lớp giáo dục truyền thông, tư vấn, nói chuyện chuyên đề: Mức chi theo thực tế phát sinh; do thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Chi in kỷ yếu, lưu trữ thành tài liệu phục vụ Chương trình.

- Chi tư vấn, hướng dẫn tại cộng đồng

Hỗ trợ chi phí đi lại.

Chi tiền công tư vấn: 15.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 300.000 đồng/người tư vấn/tháng.

**** Duy trì và triển khai Mô hình tại các xã/huyện/trường có tỉ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao***

Thực hiện triển khai nhân rộng Mô hình điểm và các Mô hình chuyên đề phù hợp nhằm thay đổi hành vi, khả năng tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia của cộng đồng thực hiện ngăn ngừa, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Địa bàn, số lượng, quy mô thực hiện

- Địa bàn thực hiện Mô hình tại các xã/huyện/trường có tỉ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Số lượng, quy mô thực hiện mô hình do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và trường học xem xét, quyết định.

Hoạt động của Mô hình

Căn cứ nguồn kinh phí được giao lựa chọn các nội dung hoạt động của Mô hình cho phù hợp đảm bảo đúng mục đích, đối tượng, nội dung và phương thức tổ chức, thời gian, tiến độ triển khai thực hiện.

- Tổ chức tập huấn thực hiện Mô hình cho cán bộ và các đối tượng tham gia thực hiện Mô hình.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở.

- Thành lập các điểm truyền thông, vận động; câu lạc bộ, các nhóm nòng cốt như: người có uy tín trong cộng đồng; nhóm phụ nữ; thanh niên, học sinh, sinh

viên người dân tộc thiểu số tại thôn bản, trường học để tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động, tư vấn, can thiệp nhằm thay đổi hành vi, tăng cường khả năng tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia của cộng đồng thực hiện ngăn ngừa, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Thành lập tổ tư vấn về sức khỏe sinh sản, sức khỏe giới tính cho các đối tượng thanh thiếu niên người dân tộc thiểu số.

- Biên soạn, in ấn, cung cấp, sản phẩm truyền thông phù hợp phục vụ với các hoạt động tuyên truyền của mô hình.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc duy trì, triển khai mô hình tại các xã, huyện, trường có tỉ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao, nhân rộng các mô hình đảm bảo phù hợp với nhu cầu, tình hình thực tế tại địa phương, tổng mức dự toán đã được cấp có thẩm quyền giao hoặc thông qua.

*** Kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Mô hình, Dự án và thực hiện các chính sách**

- Hằng năm tổ chức kiểm tra, kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai thực hiện các hoạt động của Dự án tại địa bàn các xã, huyện, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; sự phối hợp của các Bộ, ban, ngành liên quan trong triển khai thực hiện;

- Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện.

2.2.8. Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

a) Đối tượng được hỗ trợ: Phụ nữ và trẻ em gái tại các xã và thôn đặc biệt khó khăn, ưu tiên phụ nữ và trẻ em gái là người dân tộc thiểu số trong các hộ nghèo, cận nghèo, nạn nhân bị mua bán, bị bạo lực gia đình, bị xâm hại tình dục, di cư lao động không an toàn/lấy chồng nước ngoài trở về, người khuyết tật.

b) Nội dung:

(1) Tuyên truyền, vận động xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới

* Xây dựng các nhóm truyền thông tiên phong thay đổi trong cộng đồng, thực hiện các chiến dịch truyền thông xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới, xây dựng môi trường sống an toàn cho phụ nữ và trẻ em, tổ chức hội thi/liên hoan các mô hình sáng tạo và hiệu quả trong xóa bỏ định kiến giới, bạo lực gia đình và mua bán phụ nữ và trẻ em.

Riêng chi mô hình truyền thông cộng đồng: Mức hỗ trợ trọn gói 03 triệu đồng/mô hình; kinh phí hỗ trợ duy trì mô hình được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương tùy theo điều kiện, khả năng cân đối của từng địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

** Triển khai các gói hỗ trợ phụ nữ dân tộc thiểu số sinh đẻ an toàn và chăm sóc sức khỏe trẻ em:*

- Đánh giá hiệu quả, tác động của gói chính sách tại các tỉnh có tỷ lệ sinh con tại nhà cao, địa bàn có những nhóm dân tộc thiểu số rất ít người sinh sống, gồm xây dựng công cụ, khảo sát, hội thảo; tọa đàm và đánh giá/phỏng vấn sâu tại hộ gia đình; khảo sát thực tế tại hiện trường; xây dựng báo cáo đánh giá đề xuất gói chính sách khuyến khích sinh đẻ an toàn.

- Hỗ trợ theo phương thức khoán cho bà mẹ sinh đẻ an toàn và chăm sóc tại nhà sau sinh tại các tỉnh có đông người dân tộc thiểu số và có tỷ lệ sinh con tại nhà cao hơn mức trung bình của cả nước (không bao gồm các dịch vụ được thanh toán từ quỹ bảo hiểm y tế).

+ Hỗ trợ chi phí đi lại cho bà mẹ khi đến khám thai tại cơ sở y tế 4 lần trong suốt thai kỳ theo hướng dẫn của Bộ Y tế: 100.000 đồng/người/lần;

+ Hỗ trợ chi phí đi lại cho bà mẹ và 01 người nhà chăm sóc khi đến sinh con tại cơ sở y tế: 100.000 đồng/người;

+Hỗ trợ gói vật tư chăm sóc khi sinh gồm bím sơ sinh, băng vệ sinh cho bà mẹ, tã lót, áo sơ sinh, mũ, bao tay, bao chân em bé, khăn lau bé, túi đo lượng máu mất lúc sinh: 500.000 đồng/gói/mẹ. Trường hợp sinh từ 02 em bé trở lên thì được hỗ trợ thêm từ em bé thứ hai là 300.000 đồng/gói/em bé.

+ Hỗ trợ tiền ăn cho bà mẹ và người chăm sóc: 50.000 đồng/ngày/người (tối đa 3 ngày đối với sinh thường và 5 ngày đối với sinh mổ).

+ Hỗ trợ 01 lần lương thực, dinh dưỡng cho bà mẹ nuôi con bú trong 6 tháng đầu sau sinh: 1.200.000 đồng.

- Tuyên truyền, vận động phụ nữ đến sinh con tại cơ sở y tế, lồng ghép tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của gói hỗ trợ trong các chiến dịch truyền thông tại cơ sở và trong các buổi sinh hoạt tại chi hội, tổ phụ nữ.

(2) Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em

** Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số.*

Nội dung hỗ trợ: Xây dựng thương hiệu; đăng ký các tiêu chuẩn theo quy định; xây dựng truy xuất nguồn gốc và tập huấn về quản lý chất lượng; hỗ trợ tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử; giới thiệu và hỗ trợ kết nối với các giải pháp dịch vụ logistics và thanh toán điện tử; tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho tổ nhóm;

Mức hỗ trợ theo thực tế phát sinh, tối đa 100 triệu đồng/mô hình thí điểm.

** Phát triển và nhân rộng mô hình tiết kiệm và tín dụng tự quản để tăng cường tiếp cận tín dụng, cải thiện cơ hội sinh kế, tạo cơ hội tạo thu nhập và lồng ghép giới*

Chi tập huấn, biên soạn sổ tay hướng dẫn, tọa đàm, hội thảo; rà soát đánh giá liên quan đến xây dựng và triển khai thực hiện mô hình tiết kiệm và tín dụng tự quản.

Chi hỗ trợ hòm giữ tiết kiệm và chi phí sinh hoạt trong 3 tháng đầu tiên: tối đa 500.000 đồng/tháng/tổ.

** Thí điểm và nhân rộng mô hình địa chỉ an toàn hỗ trợ bảo vệ phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình*

- Tập huấn, truyền thông, cập nhật cơ sở dữ liệu; xây dựng sổ tay hướng dẫn mô hình địa chỉ an toàn ở cộng đồng.

- Thí điểm nâng cấp địa chỉ an toàn trên cơ sở các địa chỉ tin cậy sẵn có hiện nay nhưng chưa thực sự hoạt động hoặc hoạt động chưa hiệu quả.

+ Hỗ trợ theo thực tế phát sinh, tối đa 03 triệu đồng/địa chỉ để mua sắm một số vật dụng cần thiết để hỗ trợ nạn nhân.

+ Hỗ trợ theo thực tế phát sinh, tối đa 03 triệu đồng/địa chỉ/năm để trang trải một số chi phí trực tiếp liên quan đến tư vấn, hỗ trợ ban đầu cho nạn nhân: nước uống, tiền ăn, lưu trú qua đêm nếu phát sinh.

- Thí điểm thành lập mới địa chỉ an toàn: Hỗ trợ theo thực tế phát sinh, tối đa 15 triệu đồng/địa chỉ để mua sắm một số vật dụng cần thiết phục vụ hoạt động.

** Thí điểm và nhân rộng mô hình hỗ trợ phát triển sinh kế, hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân mua bán người*

Mức hỗ trợ theo thực tế phát sinh, tối đa 30 triệu đồng/mô hình. Căn cứ vào hướng dẫn của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn mô hình để áp dụng thí điểm, bảo đảm phù hợp với nhu cầu và tình hình thực tế tại địa phương, đơn vị.

(3) Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị

Chi tập huấn nâng cao năng lực, biên soạn sổ tay hướng dẫn, tọa đàm, đối thoại chính sách, các hoạt động mang tính chất nghiên cứu khoa học; thăm quan, học tập, hội nghị, hội thảo phục vụ hoạt động đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng.

Giám sát, đánh giá về thực hiện bình đẳng giới trong Chương trình.

Chi hỗ trợ thành lập và hoạt động của câu lạc bộ thủ lĩnh của sự thay đổi tại trường học trong thôn bản, nhà sinh hoạt cộng đồng: Hỗ trợ trọn gói tối đa 03 triệu đồng/câu lạc bộ để tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ. Mức hỗ trợ duy trì hoạt động của câu lạc bộ được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương tùy theo điều kiện, khả năng cân đối của từng địa phương.

(4) Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng

Xây dựng chương trình phát triển năng lực thực hiện bình đẳng giới;

Số hóa trọn gói các chương trình xây dựng năng lực dưới hình thức các khóa học trực tuyến.

Tổ chức các khóa học trực tuyến.

Đào tạo, tập huấn đội ngũ giảng viên nguồn về lồng ghép giới, nâng cao năng lực cho các cấp làm công tác bình đẳng giới.

Tập huấn, tổ chức tọa đàm, giao lưu, nói chuyện chuyên đề nhằm trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng.

Đánh giá hoạt động phát triển năng lực.

2.2.9. Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

(1) Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín

a) Đối tượng

- Già làng, trưởng bản, người có uy tín, cán bộ cốt cán có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có nhiều đóng góp trên các lĩnh vực của đời sống xã hội trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế của đất nước.

b) Một số quy định đối với người có uy tín

*** Tiêu chí lựa chọn người có uy tín**

- Là công dân Việt Nam, không phân biệt thành phần dân tộc, cư trú hợp pháp tại Việt Nam.

- Bản thân và gia đình gương mẫu chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương.

- Là người tiêu biểu, có nhiều công lao, đóng góp trong các phong trào thi đua yêu nước, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ an ninh trật tự, giữ gìn bản sắc văn hóa và đoàn kết các dân tộc.

- Hiểu biết về văn hóa truyền thống, phong tục, tập quán dân tộc; có mối liên hệ chặt chẽ và có ảnh hưởng trong dòng họ, dân tộc và cộng đồng dân cư.

- Có khả năng quy tụ, tập hợp đồng bào dân tộc thiểu số trong phạm vi nhất định bằng lời nói, qua việc làm, được người dân trong cộng đồng tín nhiệm, tin tưởng, nghe và làm theo.

*** Đối tượng lựa chọn**

Người có uy tín được lựa chọn từ các đối tượng sau.

- Cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang theo quy định của pháp luật hiện hành có quá trình công tác lâu năm, có cống hiến cho dân tộc, đất nước đã nghỉ công tác.

- Già làng, trưởng thôn, trưởng dòng họ hoặc những người thường được đồng bào DTTS mời thực hiện các nghi lễ cầu cúng cho gia đình, dòng họ, bản làng.

- Chức sắc, chức việc trong các tôn giáo ở vùng dân tộc thiểu số (Phật giáo, Hồi giáo, Tin lành, Công giáo...);

- Nhân sỹ, trí thức, doanh nhân, nhà giáo, người hành nghề chữa bệnh giỏi hoặc người có điều kiện kinh tế thường giúp đỡ và được đồng bào tín nhiệm.

*** Điều kiện bình chọn người có uy tín.**

- Mỗi thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số có ít nhất 1/3 số hộ gia đình hoặc số nhân khẩu là người dân tộc thiểu số được bình chọn 01 (một) người có uy tín.

*** Chế độ, chính sách đối với người có uy tín**

- *Cung cấp thông tin:*

Định kỳ hoặc đột xuất người có uy tín được phổ biến, cung cấp thông tin

mới về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tình hình, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh trật tự và kết quả thực hiện các Chương trình, dự án, chính sách dân tộc đang thực hiện ở địa phương.

Người có uy tín được cấp (không thu tiền): 01 tờ Báo Dân tộc và Phát triển của Ủy ban Dân tộc; 01 tờ báo tỉnh hoặc hình thức cung cấp thông tin khác phù hợp đối với người có uy tín do địa phương lựa chọn.

Người có uy tín được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, quốc phòng, an ninh, chính sách dân tộc và kỹ năng hòa giải, tuyên truyền, vận động quần chúng.

Tùy vào tình hình cụ thể của từng địa phương người có uy tín được thăm quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giữ gìn bản sắc văn hóa và đoàn kết dân tộc do địa phương xác định, thực hiện.

- *Hỗ trợ vật chất, động viên tinh thần.* Theo phân cấp quản lý thực hiện chính sách, người có uy tín được.

c) Nội dung triển khai

- Biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

(2) Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số.

a) Đối tượng

- Người dân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương.

- Cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Lãnh đạo tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể ở xã; thôn, bản; già làng, trưởng thôn, bản, người có uy tín, các chức sắc, chức việc tôn giáo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đặc biệt khó khăn.

b) Nội dung

*** *Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động***

Phổ biến nội dung Hiến pháp, các luật, văn bản quy phạm pháp luật, chính sách dân tộc liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; chú trọng các nội dung phù hợp với tình hình thực tế ở các khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và vùng Duyên hải miền Trung. Trọng tâm phổ biến pháp luật cho đồng bào vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nâng cao ý thức tôn trọng, chấp hành, bảo vệ pháp luật; các hành vi bị nghiêm cấm và chế tài xử lý; quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân; nội dung chính sách, pháp luật về: hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, đất đai, bảo vệ môi trường, lao động, y tế, giáo dục, quốc phòng, an ninh, giao thông, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, an toàn thực phẩm, biến đổi khí hậu, chuyển đổi số, hỗ trợ khởi nghiệp; các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành; các văn bản chính sách về công tác dân tộc, chính sách dân tộc và các văn bản chính sách có liên quan đến vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Tuyên truyền chính sách dân tộc và kết quả thực hiện chính sách dân tộc, đại đoàn kết các dân tộc của Đảng và Nhà nước; gương người tốt, việc tốt, những điển hình tiên tiến trong chấp hành và thực hiện pháp luật, chính sách dân tộc; tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, cảnh giác trước âm mưu “diễn biến hòa bình”, lợi dụng vấn đề dân tộc, dân chủ, nhân quyền, truyền đạo trái pháp luật để chống phá Đảng, Nhà nước, phá hoại khối đại đoàn kết các dân tộc; phản bác những luận điệu sai trái của các thế lực phản động; nâng cao nhận thức về chủ quyền, an ninh biên giới; các nội dung khác có liên quan đến dân tộc và chính sách dân tộc.

Tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Thông qua các loại hình báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử.
- Hội thảo chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm, kỹ năng, nghiệp vụ.
- Xây dựng, duy trì hoạt động của các mô hình, câu lạc bộ.
- Biên soạn, phát hành sách, sổ tay kỹ năng, hỏi đáp chính sách, pháp luật; cung cấp văn bản chính sách, pháp luật.
- Biên soạn, phát hành tờ rơi, tờ gấp; pa nô, áp phích, băng rôn, bản tin; băng, đĩa, chiếu phim lưu động.

- Thông qua lễ, hội, hoạt động văn hóa truyền thống.
- Các hình thức khác phù hợp với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và điều kiện thực tế tại các vùng miền, địa phương.

*** *Cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn:***

- Đối tượng cấp ấn phẩm báo, tạp chí

Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Thôn đặc biệt khó khăn (ĐBKK) thuộc xã khu vực III.

Thôn bản thuộc các xã, phường biên giới theo số liệu báo cáo của Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Hội Nông dân xã khu vực III, Chi hội nông dân thôn bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực III.

Đoàn Thanh niên xã khu vực III, Chi đoàn thanh niên thôn bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực III.

Hội Phụ nữ xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Hội Cựu chiến binh xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Các lớp thuộc trường Tiểu học, trường Trung học cơ sở trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; trường Trung học cơ sở Dân tộc nội trú, Dân tộc bán trú cụm xã trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Chùa Khmer theo số liệu báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

- Các loại ấn phẩm, tạp chí: Báo Dân tộc và Phát triển; Tạp chí Dân tộc; Chuyên trang “Dân tộc thiểu số và miền núi” trên Báo Nhân dân hàng ngày (Báo Nhân dân); Chuyên đề “Dân tộc thiểu số và miền núi” của Báo Đại biểu nhân dân; Chuyên đề “dân tộc thiểu số và miền núi” của Báo Đại đoàn kết; Chuyên đề “Dân tộc thiểu số và miền núi” của Báo Nông thôn ngày nay; Chuyên đề “Dân tộc thiểu số và miền núi” của Báo Tiền phong; Chuyên đề “Dân tộc thiểu số và miền núi” của Báo Công thương; Chuyên đề “Dân tộc thiểu số và miền núi” của Báo Văn hóa; Chuyên đề “Dân tộc thiểu số và miền núi” của Báo Sức khỏe và Đời sống; Chuyên đề “Măng non” của Báo Nhi đồng (Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh); Chuyên đề “Thiếu nhi Dân tộc” của Báo Thiếu niên Tiền

phong; Chuyên đề “Dân tộc thiểu số và miền núi” của Báo Cựu chiến binh Việt Nam; Chuyên đề “Dân tộc thiểu số và miền núi” của Báo Phụ nữ Việt Nam; Chuyên đề “Dân tộc thiểu số và miền núi” của Báo Tin tức; Chuyên đề “Dân tộc thiểu số và miền núi” Báo Tài nguyên và Môi trường; Phụ trương "An ninh biên giới" của Báo Biên phòng; Chuyên đề “Thanh niên khởi nghiệp - Làm giàu” (Báo Tuổi trẻ Thủ đô); Chuyên đề “Dân tộc và Miền núi” (Hội Chữ thập đỏ Việt Nam)

- *Quản lý và sử dụng ấn phẩm báo, tạp chí:*

+ *Ấn phẩm báo, tạp chí cấp cho các địa phương (xã, thôn, bản):*

Tổ chức, cá nhân được cấp ấn phẩm báo, tạp chí có trách nhiệm quản lý, sử dụng để phục vụ cho công tác tham mưu, chỉ đạo và tuyên truyền phổ biến cho đồng bào nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở địa phương, ngoài ra còn có trách nhiệm đưa xuống cơ sở để mọi người cùng đọc.

Các địa phương có thư viện, phòng đọc, điểm bưu điện văn hóa xã, trung tâm sinh hoạt cộng đồng: Tập trung các ấn phẩm báo, tạp chí để đồng bào có điều kiện đến đọc hoặc tổ chức đọc cho mọi người cùng nghe.

Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, sử dụng hiệu quả các ấn phẩm, tạo điều kiện thuận lợi để mọi người dân trên địa bàn được đến đọc các ấn phẩm báo, tạp chí. Đồng thời có trách nhiệm thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát và uốn nắn kịp thời việc quản lý, sử dụng các ấn phẩm báo, tạp chí cấp cho thôn bản; đánh giá và nắm bắt nguyện vọng của đồng bào về chất lượng nội dung, hình thức, hiệu quả của từng ấn phẩm báo, tạp chí để phản hồi chính xác, kịp thời về các cơ quan đầu mối thực hiện chính sách.

+ *Ấn phẩm báo, tạp chí cấp cho các lớp học sử dụng trong các buổi sinh hoạt lớp, sau đó chuyển về thư viện của trường.*

Nhà trường có trách nhiệm quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả nhất, đảm bảo tất cả học sinh đều được đọc.

+ *Ấn phẩm báo, tạp chí cấp cho các đoàn thể, chính trị - xã hội:*

Quản lý tập trung tại các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội quản lý, khai thác, sử dụng, tạo điều kiện cho các đoàn viên, hội viên đều được đọc, được xem, được nghe đồng thời dùng làm tài liệu tuyên truyền, phổ biến trong các buổi sinh hoạt tập trung.

+ *Ấn phẩm báo, tạp chí cấp cho người có uy tín ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:*

Để phục vụ cho công tác tuyên truyền phổ biến, vận động đồng bào tham gia thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở địa phương, ngoài ra người có uy tín còn có trách nhiệm chia sẻ, hướng dẫn để mọi người xung quanh cùng đọc.

- Công tác chỉ đạo, kiểm tra của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã:

Thường xuyên chỉ đạo các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể quần chúng triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến thông tin trên các ấn phẩm báo, tạp chí, được cấp đến nhân dân bằng các hình thức, phương tiện đa dạng, phong phú, hấp dẫn.

Định kỳ kiểm tra, phát hiện và kịp thời và xử lý những bất cập trong công tác phát hành, quản lý, lưu trữ, khai thác và sử dụng các ấn phẩm báo, tạp chí được cấp trên địa bàn; nắm bắt, phản ánh trung thực các ý kiến góp ý đánh giá về chất lượng nội dung, hình thức ấn phẩm, báo cáo cơ quan công tác dân tộc cấp trên.

- Đổi mới hình thức cung cấp thông tin phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

+ Đối với việc cấp ấn phẩm báo, tạp chí:

Đổi mới nội dung cung cấp thông tin: Tăng cường bài viết theo chuyên đề cung cấp kiến thức về đời sống, xã hội, giới thiệu các mô hình hay, việc làm tốt ở vùng dân tộc thiểu số trong nước và các dân tộc khác trên thế giới; về chăm sóc sức khỏe, kinh nghiệm sản xuất, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, những bài học quý giá, các phong tục tập quán, tinh thần nhân ái, các hoạt động từ thiện nhân đạo. Các bài viết phải đảm bảo cân đối vùng miền và sắc màu các dân tộc trong cả nước.

Đổi mới hình thức trình bày ấn phẩm: Tăng cường hình ảnh, màu sắc, trình bày xen kẽ giữa hình ảnh minh họa với tin bài (dễ đọc, dễ hiểu, dễ áp dụng) để nâng cao hiệu quả về truyền thông, đặc biệt là nhìn nhận vấn đề về cuộc sống gắn với đồng bào dân tộc thiểu số, không chủ quan, xa rời thực tế.

Tăng cường công tác quản lý phát hành ấn phẩm báo, tạp chí đảm bảo kịp thời, đúng địa chỉ; thường xuyên kiểm soát việc tiếp nhận, khai thác ấn phẩm báo, tạp chí ở cơ sở.

+ Nghiên cứu đổi mới nội dung, hình thức cung cấp thông tin phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn

Mục đích: Nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền đến vùng

đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi bằng hình thức phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

Nội dung: Khảo sát nhu cầu, đánh giá việc triển khai thực hiện cấp ấn phẩm báo, tạp chí ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn; xây dựng Đề án đề xuất đổi mới nội dung, hình thức cung cấp thông tin phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

Tổ chức thực hiện: Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan và các địa phương liên quan khảo sát, đánh giá đề xuất hình thức đổi mới cung cấp thông tin phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

** Thực hiện thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:*

Bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, nghiệp vụ về thông tin đối ngoại;

Xây dựng, sản xuất nội dung, phát hành, phát sóng các sản phẩm, dịch vụ thông tin đối ngoại và đối ngoại về công tác dân tộc;

Hội nghị, hội thảo, chương trình, sự kiện, giao lưu quốc tế giới thiệu về đất nước Việt Nam và thành tựu phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi trong nước và nước ngoài.

Hình thức thực hiện:

- Ngôn ngữ: Tiếng Việt, tiếng dân tộc thiểu số.

- Tuyên truyền, truyền thông trên các loại hình báo chí, xuất bản phẩm, phim tài liệu, video clip, cổng thông tin điện tử và các sản phẩm truyền thông khác (bao gồm việc thực hiện các chuyên mục, chuyên đề phù hợp mục đích, nội dung và tính đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi).

- Thông qua hội thảo, hội nghị, hội thi, tập huấn, trò chơi truyền hình, câu chuyện truyền thanh, sân khấu hóa (trực tiếp, trực tuyến, kết hợp trực tiếp, trực tuyến).

- Sản xuất, biên tập các chương trình, tọa đàm, phóng sự, phim tài liệu và các sản phẩm truyền thông khác tuyên truyền về Đề án tổng thể và Chương trình trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Truyền dẫn, phát sóng các sản phẩm phát thanh, truyền hình trên các nền tảng khác nhau; sản xuất, nhân bản, phát hành các sản phẩm truyền thông (báo, tạp chí, tờ rơi, áp - phích, pa - nô, khẩu hiệu, video clip) để tăng cường nội dung thông tin tuyên truyền.

(3) Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Đối tượng:

Già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng, cán bộ cơ sở, người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; người thực hiện trợ giúp pháp lý và cán bộ các cơ quan liên quan.

b) Nội dung

- Nâng cao nhận thức trợ giúp pháp lý điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tổ chức tập huấn điểm về kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số, tập huấn điểm về tiếp cận trợ giúp pháp lý đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Xây dựng các chương trình về trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tổ chức chuyên đề trợ giúp pháp lý điểm kết nối cộng đồng.

- Biên soạn, cung cấp các tài liệu về chính sách trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số và miền núi.

(4) Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

a) Đối tượng

- Cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan làm công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương; Văn phòng điều phối chương trình ở cấp Trung ương và các cơ quan Thường trực chương trình ở địa phương.

- Các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Nội dung và mức chi

- Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, các buổi làm việc trực tuyến của Ban Chỉ đạo Trung ương và cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương.

- Chi hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự.

- Hỗ trợ duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

2.3. Giám sát đầu tư của cộng đồng đối với Chương trình, các dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia.

Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chương trình; Người dân trên địa bàn thụ hưởng chương trình tham gia giám sát chương trình, các dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia.

2.3.1. Giám sát của cộng đồng đối với Chương trình mục tiêu quốc gia.

Các Chương trình mục tiêu quốc gia chịu sự giám sát của cộng đồng. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì tổ chức thực hiện giám sát cộng đồng đối với Chương trình mục tiêu quốc gia (có thể thành lập Ban giám sát cộng đồng).

Nội dung giám sát cộng đồng đối với Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Việc chấp hành các quy định pháp luật về quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia; các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn đầu tư, quản lý ngân sách Nhà nước.

- Các dự án đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Việc lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch, tiến độ thực hiện các nội dung, hoạt động và nhiệm vụ từng Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý đầu tư công, quản lý ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 14 Luật đầu tư công và Điều 15 Luật Ngân sách nhà nước.

- Phát hiện những việc làm xâm hại đến lợi ích của cộng đồng; những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng; những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản của Chương trình.

- Tổ chức lấy ý kiến đánh giá của cộng đồng dân cư về quá trình triển khai, tổ chức thực hiện từng Chương trình mục tiêu quốc gia.

2.3.2. Giám sát đầu tư cộng đồng

Giám sát đầu tư của cộng đồng: Là hình thức tổ chức giám sát tự nguyện của nhân dân nhằm theo dõi, đánh giá việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư, góp phần nâng cao hiệu quả, đảm bảo hoạt động đầu tư phù hợp với quy hoạch, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Các chương trình, dự án chịu sự giám sát của cộng đồng. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì tổ chức thực hiện giám sát đầu tư của cộng đồng và phản biện xã hội.

Cơ quan chủ quản tham khảo, giải trình, tiếp thu ý kiến cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án đối với việc quyết định đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án có quy mô di dân, tái định canh, định cư lớn, dự án có nguy cơ tác động lớn đến môi trường, dự án có ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống kinh tế -

xã hội của cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án về chủ trương, chính sách đầu tư, xây dựng, đất đai, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định canh, định cư theo quy định của pháp luật.

a) Quyền giám sát đầu tư của cộng đồng.

Công dân có quyền giám sát các dự án đầu tư thông qua Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, cụ thể:

- Yêu cầu các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cung cấp các thông tin về quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, các quy hoạch khác liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trả lời về các vấn đề thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

- Yêu cầu chủ chương trình, chủ đầu tư trả lời, cung cấp các thông tin phục vụ việc giám sát đầu tư: Quyết định đầu tư; thông tin về chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, địa chỉ liên hệ; tiến độ và kế hoạch đầu tư; diện tích chiếm đất và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết và phương án kiến trúc; đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; phương án xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.

Đối với các chương trình, dự án đầu tư có nguồn vốn và công sức của cộng đồng, dự án sử dụng ngân sách cấp xã hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã, ngoài các nội dung trên, chủ chương trình, chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp thêm thông tin về quy trình, quy phạm kỹ thuật, chủng loại và định mức vật tư; kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình.

- Các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, chủ chương trình, chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp các tài liệu cho Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

- Kiến nghị các cấp có thẩm quyền đình chỉ thực hiện đầu tư, vận hành dự án trong các trường hợp sau.

Phát hiện thấy dấu hiệu vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện dự án gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, an ninh, văn hóa - xã hội, môi trường sinh sống của cộng đồng.

Chủ đầu tư không thực hiện công khai thông tin về chương trình, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

- Phản ánh với các cơ quan nhà nước về kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng và kiến nghị biện pháp xử lý.

b) Trình tự, thủ tục, quy trình giám sát đầu tư của cộng đồng.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan liên quan.

- Thành lập Ban giám sát đầu tư của cộng đồng cho từng chương trình, dự án; Thành phần của Ban ít nhất là 05 người, gồm đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Thanh tra nhân dân và đại diện người dân trên địa bàn.

- Lập kế hoạch giám sát đầu tư của cộng đồng đối với các chương trình, dự án trên địa bàn và thông báo cho chủ chương trình, chủ đầu tư, ban quản lý chương trình, dự án về kế hoạch và thành phần Ban giám sát đầu tư của cộng đồng chậm nhất 45 ngày trước khi thực hiện.

- Hướng dẫn Ban giám sát đầu tư của cộng đồng xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát đầu tư theo quy định của pháp luật và Nghị định này; hỗ trợ Ban giám sát đầu tư của cộng đồng trong việc thông tin liên lạc, lập và gửi các Báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng.

- Hướng dẫn, động viên cộng đồng tích cực thực hiện quyền giám sát đầu tư theo quy định của Nghị định này.

- Xác nhận các văn bản phản ánh, kiến nghị của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng trước khi gửi các cơ quan có thẩm quyền.

Ban giám sát đầu tư của cộng đồng: Tổ chức thực hiện giám sát đầu tư của cộng đồng theo chương trình, kế hoạch đã đề ra; tiếp nhận các thông tin do công dân phản ánh để gửi tới các cơ quan quản lý có thẩm quyền theo quy định của Nghị định này; tiếp nhận và thông tin cho công dân biết ý kiến trả lời của các cơ quan quản lý có thẩm quyền về những kiến nghị của mình; Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã căn cứ điều kiện của xã, bố trí địa điểm làm việc để Ban giám sát đầu tư của cộng đồng tổ chức các cuộc họp và lưu trữ tài liệu phục vụ giám sát đầu tư của cộng đồng; tạo điều kiện sử dụng các phương tiện thông tin, liên lạc của UBND xã phục vụ giám sát đầu tư của cộng đồng.

c) Quản lý, sử dụng chi phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng

Chi phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn cấp xã được cân đối trong dự toán chi của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và do ngân sách cấp xã đảm bảo.

Mức kinh phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn xã bố trí phù hợp với kế hoạch hoạt động giám sát đầu tư của cộng đồng do Hội đồng nhân dân xã quyết định và đảm bảo mức kinh phí tối thiểu 10 triệu đồng/năm cho một xã.

Nội dung chi

- Chi phí mua văn phòng phẩm; thông tin, liên lạc phục vụ giám sát đầu tư của cộng đồng.

- Chi phí sao chụp, đánh máy, gửi tài liệu, gửi báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng.

- Chi phí hành chính cho các cuộc họp, hội nghị về giám sát đầu tư của cộng đồng.

- Chi phí tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn về giám sát đầu tư của cộng đồng.

- Chi thù lao trách nhiệm cho các thành viên của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

Việc lập dự toán, cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí cho Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện theo quy định về quản lý ngân sách cấp xã và các hoạt động tài chính khác của cấp xã.

III. TRAO ĐỔI THẢO LUẬN VÀ GIẢI ĐÁP

1. Kết quả thực hiện các chính sách dân tộc tại địa phương trong thời gian qua như thế nào?

2. Chia sẻ bài học kinh nghiệm của các địa phương thực hiện các chính sách dân tộc thời gian qua tại địa phương?

3. Nêu các nội dung được hỗ trợ từ Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trong thời gian qua tại địa phương? Đánh giá kết quả (thành tựu/hạn chế và nguyên nhân) các nội dung hỗ trợ đó?

4. Đặc thù của địa phương như thế nào? Có ảnh hưởng gì khi triển khai thực hiện các dự án thành phần của Chương trình?

5. Những khó khăn, vướng mắc tại địa phương khi thực hiện chương trình?

6. Giải đáp các tình huống vướng mắc thực tế tại địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Báo cáo Tổng kết Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn thực hiện trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Ủy ban Dân tộc

- Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2030, tháng 10 năm 2019 của Chính phủ

- Kết luận số 65-KL/TW của Bộ Chính trị đề ra quan điểm, chủ trương, đường lối công tác dân tộc trong tình hình mới (giai đoạn 2021 - 2030)

- Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

- Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/06/2020 về Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030

- Quyết định số 1719/2021/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

- Hệ thống các văn bản quản lý, hướng dẫn triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 của trung ương và địa phương (*đã liệt kê trong nội dung tài liệu*)

- Các văn bản khác liên quan.